**BÀI 4: CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**( Truyện truyền kì – 17tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.

– Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nhận biết và hiểu được những suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

– Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn gián tiếp ; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

– Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

– Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện…)

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bảnthân; thể hiện trong hoạt động làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động *Thực hành tiếng Việt*.

- Năng lực sáng tạo ra sản phẩm là bài viết theo thể loại.

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Biết cảm thông, chia sẻ với người khác.

-Chăm chỉ: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Trung thực trong kiểm tra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**  
**1. Thiết bị :   
-** Máy tính   
- Ti vi - Phiếu học tập   
- Bảng phụ  **2. Học liệu:**- Tri thức Ngữ văn  
- Tranh ảnh minh họa liên quan bài học- Đoạn video   
- Tư liệu Văn học **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. ĐỌC**

**Tiết 44,45**

**Văn bản 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**( Nam Xương nữ tử truyện)**

**(Nguyễn Dữ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu**: Những hình ảnh sau có thể gợi cho em liên tưởng đến những chi tiết nào, ở tác phẩm truyện nào đã học?   |  |  | | --- | --- | | A cartoon of a person and a boat with a turtle  Description automatically generated | A cartoon of a group of children outside a house  Description automatically generated | | **Hình 1** | **Hình 2** | | Cartoon of a person and a child  Description automatically generated | Sau khi đánh đuổi giặc Ân, gióng đã làm gì? Xem Bài Đọc T | | **Hình 3** | **Hình 4** |   ? Em hãy rút ra điểm giống nhau của các chi tiết truyện trên.  Nêu ý nghĩa của một chi tiết mà em ấn tượng nhất.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tham gia trò chơi; nêu suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Dự kiến sản phẩm của HS:**  **\*Các hình ảnh gợi liên tưởng đến những chi tiết trong các tác phẩm truyện đã học:**   |  |  | | --- | --- | | Hình 1 | Chi tiết vua Lê Lợi hoàn gươm lại cho Đức Long Quân trong truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” | | Hình 2 | Chi tiết quả bầu tiên giúp người em trai Heng-bu trở nên giàu có và trừng trị tính tham lam của người anh trai Non-bu trong truyện cổ tích “Non-bu và Heng-bu” | | Hình 3 | Chi tiết bà mẹ sinh ra một đứa bé không tay, không chân, tròn như một quả dừa trong truyện cổ tích “Sọ Dừa” | | Hình 4 | Chi tiết Thánh Gióng bay về trời sau khi đánh xong giặc Ân trong truyền thuyết “Thánh Gióng”. |   **\***Các chi tiết trên đều là các chi tiết kì ảo, không có thật, góp phần làm cho cốt truyện thêm li kì, hấp dẫn; gửi gắm quan điểm, thái độ của nhân dân dành cho những nhân vật.  HS chia sẻ suy nghĩ về ý nghĩa của một chi tiết kì ảo.  **Ví dụ:** Chi tiết Gióng đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng lên trời.  - Gióng cũng như chính nhân dân, đánh giặc vì lòng yêu nước, căm thù giặc, sẵn sàng hi sinh thân mình mà không đòi hỏi được khen thưởng hay ban cho danh lợi.  - Chi tiết này còn có ý nghĩa bất tử hóa hình tượng Thánh Gióng.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  **GV giới thiệu bài mới**: *Trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc, các em đã có dịp tìm hiểu nhiều tác phẩm truyện cổ tích, truyền thuyết chứa đựng những yếu tố hoang đường, kì ảo. Những chi tiết kì ảo, hoang đường đó xuất phát từ trí tưởng tượng phong phú, bay bổng của các tác giả dân gian đã sáng tạo ra một thế giới mới mẻ, lạ lùng, làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm... Đến với thể loại truyện truyền kì trong bài học 4 này, các em sẽ có dịp tìm hiểu thế giới kì ảo với những câu chuyện li kì gắn với các yếu tố hoang đường, kì ảo để người đọc thấy được sự sáng tạo không giới hạn của các nhà văn.* | |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT 01: TÌM HIỂU THỂ LOẠI TRUYỆN TRUYỀN KÌ**  **(Chuẩn bị ở nhà)** | | | | **Đặc điểm** | **Trả lời** | | Thời kì ra đời, phát triển | .................... | | Vai trò của yếu tố kì ảo | .................... | | Không gian truyền kì | .................... | | Thời gian truyền kì | .................... | | Nhân vật trong truyện truyền kì | .................... | | Cốt truyện trong truyện truyền kì |  | | Lời của người kể chuyện | .................... |   **PHT 02: TÌM HIỂU VỀ LỜI ĐỐI THOẠI VÀ LỜI ĐỘC THOẠI TRONG VĂN BẢN TRUYỆN**  **Thực hiện các yêu cầu sau:**  (1)HS dựa vào phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK để trả lời câu hỏi: *Thế nào là lời đối thoại, độc thoại trong VB truyện, lời đối thoại và độc thoại khác nhau như thế nào?*  (2)Đọc đoạn trích sau và xác định đâu là lời đối thoại, đâu là lời độc thoại:  *Đoạn rồi nàng tắm gội sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:*  *– Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.*  (…) *Sinh dỗ dành:*  *– Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.*  *Đứa con ngây thơ nói:*  *– Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư! Ông lại biết nói chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.*  *Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:*  *– Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.*  **PHT 03: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **HS trao đổi theo cặp, hoàn thiện bảng kiến thức sau:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Nguyễn Dữ** | Quê hương  ... | Thời đại – Cuộc đời  ... | Đóng góp văn học  ... | | **Tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*** | Thể loại  ... | Xuất xứ  ... | Nội dung chính  ... |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: TÌM HIỂU NỘI DUNG, CỐT TRUYỆN, SỰ KIỆN**  **1. Nội dung bao quát của truyện là:** .................................................................................................  .................................................................................................  **2. Em hãy đọc VB và tóm tắt cốt truyện bằng cách: Sắp xếp các sự kiện sau vào sơ đồ theo đúng trình tự của câu chuyện:**  (a) Lấy chồng: Vũ Thị Thiết lấy chồng – người có tính đa nghi.  (b) Làm người chinh phụ: Chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng già yếu và nuôi con nhỏ  (c) Ghen tuông và ruồng rẫy: Đản không nhận Trương là cha, lại nói về một người cha khác đêm đêm vẫn về gần gũi, thân thiết với hai mẹ con. Trương nổi cơn ghen, quy cho Vũ Thị Ngoại tình, không cho thanh minh, hắt hủi và đuổi nàng đi.  (d) Tỏ lòng và quyên sinh: Vũ Thị Thiết chỉ còn biết tỏ lòng với trời đất và tìm cái chết trên bến Hoàng Giang.  (e) Trở về và giã biệt: Vũ Thị trở về trên một chiếc kiệu hoa…, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện…đứng ở giữa dòng nói lời đa tạ rồi giã biệt  (g) Trở về: Trương Sinh trở về sau chinh chiến, mẹ chồng đã mất, đứa con mới lên ba.  (h) Sự hối lỗi muộn màng: Trương hiểu ra sự thật: người mà Đản gọi là cha chỉ là cái bóng trên tường, dưới ngọn đèn khuya nhưng tất cả đã muộn.  (i) Lập đàn tràng giải oan: Trương Sinh lập đàn tràng, giải oan cho Vũ Thị.  (k) Ân nghĩa với Linh Phi: Phan Lang, người làng của Trương được Linh Phi cứu sống, gặp Vũ Thị dưới thuỷ phủ của Linh Phi. Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con, Vũ Thị nhờ Phan Lang nói với chàng Trương lập đàn đón nàng về. |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05: TÌM HIỂU KHÔNG GIAN, THỜI GIAN, NHÂN VẬT**  1.Các nhân vật trong VB gồm: ......................................................................  Nhân vật chính là: .................................., nhân vật phụ là: ...............................................  2. Xác định trật tự thời gian, không gian trong truyện:   |  |  | | --- | --- | | Không gian |  | | Thời gian |  | |      |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 06: TÌM HIỂU YẾU TỐ KÌ ẢO, LỜI CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN**  1. Tìm các chi tiết kì ảo được sử dụng trong tác phẩm và nêu tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm:   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng đối với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng** | | .....................................................  ..................................................... | ................................................................................  ................................................................................ |  1. Nhận xét về đặc điểm lời của người kể chuyện trong VB.   .............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................. | | | |
| **I. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung: 1. Hướng dẫn tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  **NV1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn thể loại truyện truyền kì, lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trao đổi theo bàn thực hiện nhiệm vụ:  + Các bàn thuộc dãy 1: Hoàn thành **PHT 01**. Tìm hiểu về truyện truyền kì.  + Các bàn thuộc dãy 2: Hoàn thành **PHT 02.** Tìm hiểu về lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - HS thảo luận nhóm bàn, hoàn thiện PHT số 01, 02  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các nhóm khác khác bổ sung.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  **GV mở rộng:**  Truyện Truyền kì thường kể về những câu chuyện kì lạ, sử dụng nhiều yếu tố kì ảo và xây dựng các nhân vật có hành trang khác thường. Các tác giả trung đại Việt Nam đã sử dụng một cách sáng tạo thể truyền kì để phản ánh những vấn đề thiết yếu của con người, thời đại. Tiêu biểu như: *Truyền kì mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Thánh tông di thảo* (Lê Thánh Tông), *Truyền kì tân phả* (Đoàn Thị Điểm), *Lan Trì kiến văn lục* (Vũ Trinh),…  **\*Trải nghiệm cùng văn bản “*Chuyện người con gái Nam Xương"***  **\*NV1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, HS trao đổi theo cặp, hoàn thiện bảng kiến thức trong PHT 03.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp, hoàn thiện bảng kiến thức  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm:**  - GV yêu cầu HS thảo luận và trình bày theo hình thức **“Cặp đôi hoàn hảo”.**  - Cách thực hiện: Trình bày kết quả đã chuẩn bị theo hình thức một học sinh hỏi, một học sinh thực hiện trả lời.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  **GV mở rộng:** Tập Truyền kì mạn lục (Ghi chép tùy hứng những chuyện kì lạ)  - Tập truyện được sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVI theo thể loại truyền kì.  - Tác phẩm gồm 20 truyện, được viết bằng chữ Hán với hình thức văn xuôi xen lẫn thơ, ca, từ, biền văn; cuối mỗi truyện đều có lời bình.  - *Truyền kì mạn lục* phong phú về đề tài, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc, được đánh giá là đỉnh cao của thể loại truyền kì Việt Nam thời trung đại, được Vũ Khâm Lân (thế kỉ XVII) khen là “thiên cổ kì bút”, được dịch ra và nghiên cứu ở nhiều nước.  **NV2: Hướng dẫn hoc sinh tìm hiểu văn bản**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: Chú ý phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.  + Lời của người kể chuyện: đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, khách quan.  + Lời của nhân vật: chú ý về ngữ điệu, giọng điệu phù hợp với tính cách, suy nghĩ của từng nhân vật.  - GV mời 1 số HS đọc diễn cảm một đoạn mà HS thích nhất.  - GV nhắc HS sử dụng chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *theo dõi, dự đoán suy luận, đánh giá*  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang.  - Xác định bố cục của VB.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản**  **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm thể loại truyện truyền kì qua VB *Chuyện người con gái Nam Xương***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Yêu cầu HS làm việc nhóm trong 05 phút.  Lớp chia thành 6 nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu sau:  - Nhóm 1, 2: PHT 04  - Nhóm 3, 4: PHT 05  - Nhóm 5, 6: PHT 06  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc thảo luận, hoàn thành các yêu cầu của PHT.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện các nhóm phát biểu.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  *.*  **NV2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về các nhân vật**  **\*Tìm hiểu nhân vật Vũ Nương**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**  Nhóm 1,2: Tìm hiểu về vẻ đẹp của Vũ Nương  Nhóm 3,4: Tìm hiểu về số phận và bi kịch của Vũ Nương  Nhóm 1, 2 Nhóm 3, 4  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm   |  | | --- | | **Nhóm 1, 2: (PHT 07): Tìm hiểu vẻ đẹp của Vũ Nương** | | **Yêu cầu: Đọc phần 1 của VB và làm rõ những vấn đề sau:**  1. Lời giới thiệu của người kể chuyện ở phần mở đầu đã làm nổi bật những nét gì của Vũ Nương? Cho biết vai trò của lời người kể chuyện trong việc khắc họa nhân vật.  2. Lời nói của Vũ Nương khi chia tay chồng ra trận cho thấy mong muốn, khát vọng gì của nàng?  3. Phân tích những hành động, việc làm của Vũ Nương khi Trương Sinh đi lính.  4. Rút ra nhận xét chung về vẻ đẹp của Vũ Nương. |  |  | | --- | | **Nhóm 3,4: (PHT 08) Tìm hiểu số phận bi kịch của Vũ Nương** | | **Yêu cầu: Đọc phần 2 của VB và làm rõ những vấn đề sau:**  1. Phân tích lời than của Vũ Nương trước khi gieo mình xuống sông:  - Nỗi đau của Vũ Nương  - Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì.  2. Cho biết những nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương. Nguyên nhân nào là chủ yếu?  3. Theo em, đoạn kết truyện miêu tả cảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan mang màu sắc kì ảo có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận theo định hướng.  Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.  “Chuyện người con gái Nam Xương” phản ánh nhiều bất bình đẳng giới. Ảnh minh hoạ từ IT:  Đôi nét về Nguyễn Dữ và tác phẩm Truyền kì mạn lục - Ôn tập Ngữ văn 9 -  Trần Văn Quang  **Tìm hiểu nhân vật Trương Sinh**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận theo cặp đôi:**  **Yêu cầu:** Tìm hiểu nhân vật Trương Sinh theo những gợi ý sau:  - Lời người kể chuyện ở phần đầu đã làm nổi bật những nét gì ở nhân vật Trương Sinh. Từ đó, nhận xét vai trò của lời người kể chuyện trong việc khắc họa nhân vật.  - Nhận xét về thái độ, hành động của Trương Sinh khi nghe những lời con trai nói khi dắt con ra thăm mộ mẹ.  - Đặt mình trong tình huống của Trương Sinh, em sẽ có cách xử sự như thế nào?  - Từ dó***,*** nhận xét về nhân vật Trương Sinh và rút ra bài học qua nhân vật.  **NV3: Hướng dẫn HS tìm hiểu về lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện.**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**   |  | | --- | | **PHT (09): Tìm hiểu lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện.** | | **Yêu cầu: Đọc lời thoại của các nhân vật trong VB và cho biết:**  1. Lời nói của Vũ Thị Thiết trước khi tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang là đối thoại hay độc thoại? Dựa vào đâu mà em xác định như vậy?  2. Các câu bé Đản nói với Trương Sinh trước và sau cái chết của Vũ Thị Thiết có vai trò như thế nào đối với diễn biến của sự việc, câu chuyện? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận theo định hướng.  Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN: 1.Tri thức ngữ văn: Sgk/88**  **PHT 01: Tìm hiểu thể loại truyện truyền kì**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Đặc điểm** | **Trả lời** | | 1 | Thời kì ra đời, phát triển | Là thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại. Ở Việt Nam, truyện truyền kì được viết bằng chữ Hán, phát trển mạnh ở thế kỉ XVI, XVII. | | 2 | Vai trò của yếu tố kì ảo | - Là phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống.  - Truyền tải những vấn đề cốt lõi của hiện thực và quan niệm, thái độ của tác giả. | | 3 | Không gian truyền kì | Trong truyện truyền kì, thế giới con người và thế giới thánh thần, ma, quỷ có sự tương giao. Điều này làm nên đặc điểm riêng cho không gian truyện truyền kì – không gian giàu yếu tố kì ảo. | | 4 | Thời gian kì ảo | Có sự khác biệt về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti, thuỷ phủ hoặc nơi thượng giới (biểu hiện qua nhịp độ nhanh chậm của thời gian); con người có thể sống nhiều đời, nhiều cuộc đời hoặc sống nhờ các phép thuật kì ảo | | 5 | Nhân vật trong truyện truyền kì | Nhân vật có thể là con người hay thần linh, ma, quỷ,...Nếu nhân vật là con người, họ thường có nét đặc biệt nào đó; nếu nhân vật là thần linh, ma, quỷ họ thường mang hình ảnh, tính cách của con người. | | 6 | Cốt truyện trong truyện truyền kì | Truyện truyền kì thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhên, bất bình thường trong cốt truyện | | 7 | Lời của người kể chuyện | Lời của người kể chuyện trong truyện truyền kì kà lời của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật. Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong VB |   **2. Lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện**   |  | | --- | | **PHT 02: Tìm hiểu lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện**  (1) *Lời đối thoại trong VB truyện* là lời thoại giữa các nhân vật, thể hiện nội dung giao tiếp của họ trong sự luân phiên giữa người nói – người nghe. *Lời độc thoại trong VB truyện* là nhân vật tự nói với mình, thường dưới dạng lời nói thầm trong đầu.  (2) Trong đoạn trích trên, lời độc thoại là lời than của nhân vật "nàng", lời đối thoại là lời của nhân vật Sinh trao đổi với đứa con. |   **II. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **1. Tác giả Nguyễn Dữ:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Nguyễn Dữ** | Quê Hải Dương | - Sống ở thế kỉ XVI  - Là người học rộng tài cao nhưng chỉ làm quan một thời gian ngắn rồi về quê ẩn dật. | Có đóng góp quan trọng ở thể loại tuyện truyền kì. | | **Tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*** | Truyện truyền kì | Là truyện thứ 16 trong 20 truyện của tập “Truyền kì mạn lục” – áng “thiên cổ kì bút” | - Niềm xót xa, thương cảm đối với số phận người phụ nữ trong XHPK; Tấm lòng trân trọng, nâng niu những phẩm chất đẹ đẽ của họ. |   **2. Văn bản**  **a. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **b. Xuất xứ:** Trích trong Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch, NXB Văn hóa, 1962; Ngữ văn 9 tập một, Nguyễn Khắc Phi (Tổng Chủ biên), NXB Giáo dục, 2007).  **b. Thể loại và phương thức biểu đạt chính**  **- Thể loại:** Truyện truyền kì  - **Phương thức biểu đạt chính: tự sự**  **c.Bố cục:** 3 phần:  + **Phần 1** (Từ đầu*...lo liệu như đối với* *cha mẹ đẻ mình*): Vũ Nương trở thành chinh phụ  + **Phần 2 (**Tiếp theo… *nhưng việc đã trót qua rồi*): Vũ Nương mắc oan  + **Phần 3** (Còn lại): Vũ Nương được lập đàn giải oan và sự ra đi vĩnh viễn của Vũ Nương  **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI: 1. Đặc điểm của thể loại truyện truyền kì qua VB *Chuyện người con gái Nam Xương***  **a. Nội dung bao quát:**  Thói cả ghen của người chồng và số phận bất hạnh của nàng Vũ Thị Thiết  **b. Cốt truyện**  **(1) Trở thành chinh phụ (đoạn đầu)**  - Lấy chồng: Vũ Thị Thiết lấy chồng – người có tính đa nghi.  - Làm người chinh phụ: Chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng già yếu và nuôi con nhỏ  **(2) Mắc oan (đoạn tiếp theo)**  - Trở về: Trương Sinh trở về sau chinh chiến, mẹ chồng đã mất, đứa con mới lên ba.  - Ghen tuông và ruồng rẫy: Đản không nhận Trương là cha, lại nói về một người cha khác đêm đêm vẫn về gần gũi, thân thiết với hai mẹ con. Trương nổi cơn ghen, quy cho Vũ Thị Ngoại tình, không cho thanh minh, hắt hủi và đuổi nàng đi.  - Tỏ lòng và quyên sinh: Vũ Thị Thiết chỉ còn biết tỏ lòng với trời đất và tìm cái chết trên bến Hoàng Giang.  - Sự hối lỗi muộn màng: Trương hiểu ra sự thật: người mà Đản gọi là cha chỉ là cái bóng trên tường, dưới ngọn đèn khuya nhưng tất cả đã muộn.  **(3) Giải oan (đoạn cuối)**  - Ân nghĩa với Linh Phi: Phan Lang, người làng của Trương được Linh Phi cứu sống, gặp Vũ Thị dưới thuỷ phủ của Linh Phi. Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con, Vũ Thị nhờ Phan Lang nói với chàng Trương lập đàn đón nàng về.  - Lập đàn tràng giải oan: Trương Sinh lập đàn tràng, giải oan cho Vũ Thị.  - Trở về và giã biệt: Vũ Thị trở về trên một chiếc kiệu hoa…, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện…đứng ở giữa dòng nói lời đa tạ rồi giã biệt  => Trong cốt truyện, tác giả có sử dụng các chi tiết kì ảo (sẽ tìm hiểu kĩ ở mục bên dưới).  - HS dựa vào cốt truyện, tự tóm tắt.  **c. Không gian, thời gian, nhân vật chính/phụ**  - Không gian: Sự kiện được kể theo các phạm vi khác nhau: trần thế (thế giới thực) – thuỷ phủ (thế giới kì ảo) – trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới.  - Thời gian: Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước). Con người có thể sống nhiều đời, sống nhờ các phép thuật kì ảo (Vũ Nương, Phan Lang)  - Nhân vật:  + Nhân vật chính: Vũ Nương  + Các nhân vật phụ: Trương Sinh, Bé Đản, Linh Phi, Phan Lang,…  => Các nhân vật mang đặc điểm của nhân vật trong truyện truyền kì: thần linh mang đặc điểm con người: Linh Phi – vợ vua biển Nam Hải, cứu sống, trả ơn con người; con người nhưng mang nét đặc biệt: Phan Lang đắm thuyền được Linh Phi cứu sống, được trở về dương gian, Vũ Nương đã chết hiện lên khi được Trương Sinh lập đàn giải oan,…  **d. Các yếu tố kì ảo**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng thể hiện chủ đề,**  **tư tưởng** | | Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, … dưới thuỷ phủ  Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  Việc lậpđàn giải oan*,* cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt | Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ |   **e. Lời của người kể chuyện**  - Người kể chuyện trong VB là người kể chuyện ở ngôi thứ ba, biết hết mọi chuyện ở trần gian (Vũ Nương trở thành chinh phụ, bị mắc oan) và chuyện ở thuỷ phủ (động Linh Phi), nắm được mọi hành động, suy nghĩ của các nhân vật trong truyện.  . **2. Tìm hiểu các nhân vật Vũ Nương và Trương Sinh**  **2.1. Nhân vật Vũ Nương**  **a. Vẻ đẹp của Vũ Nương**  ***\* Qua lời giới thiệu nhân vật của người kể chuyện:***  **+** Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương; tính thùy mị, nết na; tư dung tốt đẹp.  + Khi lấy chồng: nàng luôn giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa.  => Lời người kể chuyện ngắn gọn, đầy đủ họ tên, quê quán, nét nổi bật trong tính cách 🡪 định hướng cho người đọc, khiến người đọc có ấn tượng là nhân vật có thật.  *\*****Qua lời tiễn chồng ra trận***: Chồng đi lính, nàng «*chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ mong ngày về mang theo được hai chữ bình yên*» 🡪 Nàng không mong cầu vinh hoa phú quý, luôn lo lắng cho an nguy của chồng khi chinh chiến nơi ải xa; chỉ khao khát hạnh phúc gia đình, mong chồng được bình an trở về.  \* ***Qua hành động, việc làm khi xa chồng***:  + Đối với chồng: nhớ chồng không nguôi, hết mực chung thủy.  + Đối với mẹ chồng: là người con dâu hiếu thảo, ân cần, hết lòng chăm sóc, phụng dưỡng lúc ốm đau, lo ma chay lễ tế khi mất như mẹ đẻ.  Người mẹ chồng cũng đã ghi nhận tấm lòng, nhân cách và công lao của Vũ Nương đối với gia đình chồng qua lời trăng trối: «...*xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ*».  + Đối với con cái: là người mẹ yêu thương con hết mực, trỏ vào bóng mình bảo là cha Đản vì muốn con không thiếu vắng tình cha.  🡺 Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, có khát vọng hạnh phúc chính đáng; là hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.  **b. Số phận bi kịch của Vũ Nương**  ***\*Bi kịch của Vũ Nương:***  ***+*** Khi chồng trở về, Vũ Nương phải gánh chịu nỗi oan lạ lùng.  + Phải tìm đến cái chết (gieo mình xuống sông) để tỏ tấm lòng chung thủy của mình.  ***\* Lời than của Vũ Nương (ngôn ngữ của nhân vật):***  ***-* Nỗi đau của Vũ Nương:**  + “*Thiếp vốn con kẻ khó... Cách biệt ba năm gìn giữ một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén ghét...”:* Nàng luôn thủy chung giữ mình khi xa chồng, nhưng phải chịu nỗi oan là người không đoan chính 🡪 nỗi đau bị chà đạp về nhân phẩm. Dù đau đớn nhưng nàng hết lòng phân trần với chồng, cố gắng hàn gắn cái hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.  **+** *“Thiếp vốn nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy....kia nữa*”: Hạnh phúc gia đình vốn là điểm tựa, chỗ dựa vững chắc cho Vũ Nương nhưng vì ghen tuông mù quáng mà chồng nàng đã làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, cũng là lúc nàng mất đi chỗ dựa trong cuộc sống, lâm vào bi kịch. 🡪 nỗi đau khát vọng hạnh phúc gia đình tan vỡ.  + Lời thoại ở bến Hoàng Giang: “*Kẻ bạc mệnh này ...mọi người phỉ nhổ*”: Lời thề ai oán và phẫn uất, quyết lấy cái chết để khẳng định tấm lòng trong sạch như ngọc Mị Nương, thủy chung như cỏ Ngu mĩ. Đây là hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự, vừa có nỗi tuyệt vọng, vừa có sự chỉ đạo của lý trí.  🡺Nhận xét: Một người xinh đẹp, nết na, hiền thục lại đảm đang, tháo vát; hiếu thảo với mẹ chồng, một dạ thủy chung với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng lại phải chết một cách oan uổng, đau đớn.  - **Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì:**  + Thể hiện diễn biến nội tâm của nhân vật: cố gắng giải thích mong hàn gắn hạnh phúc 🡪 mất niềm tin, thất vọng 🡪 tuyệt vọng, tìm đến cái chết để minh oan.  + Sử dụng nhiều điển cố, điển tích; các phép đối; mượng các hình ảnh thiên nhiên để nói lên nỗi lòng.  **\**Nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương:***  **- Nguyên nhân trực tiếp:** Do Trương Sinh quá đa nghi, hay ghen, gia trưởng, độc đoán. Hồ đồ tin lời con trẻ, Trương Sinh đã không cho Vũ Nương cơ hội trình bày, thanh minh.  **- Nguyên nhân sâu xa:**  + Do xã hội phong kiến với cảnh “binh lửa rối ren” gây bao đau khổ cho nhân dân. Vì chiến tranh phong kiến phi nghĩa nên vợ chồng Vũ Nương phải xa cách, dẫn đến hiểu lầm.  + Do cuộc hôn nhân không bình đẳng, Vũ Nương chỉ là “con nhà kẻ khó”, còn Trương Sinh là “con nhà hào phú”.  + Do mặt tiêu cực của lễ giáo phong kiến: Chế độ nam quyền tạo ra thái độ tàn tệ, rẻ rúng của Trương Sinh đối với Vũ Nương; quan niệm đạo Nho một cách cực đoan về chữ “trinh”, chữ “tiết” đã trở thành áp lực gây đau khổ cho người phụ nữ.  🡺 Đứng trên lập trường nhân bản, Nguyễn Dữ đã phản ánh số phận bi kịch, bất hạnh của Vũ Nương tiêu biểu cho thân phận của người phụ nữ trong XHPK. Họ là những người phụ nữ đẹp người, đẹp nét nhưng lại là những “tấm gương oan khổ” về bi kịch gia đình, bi kịch của lòng chung thủy.  **c. Vũ Nương được giải oan:**  ***- Các chi tiết miêu tả hình ảnh Vũ Nương ở đoạn kết:***  + Sự xuất hiện kì ảo: Vũ Nương ngồi trên chiếc kiệu hoa đứng giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện.  + Lời nói: “*Thiếp cảm ơn đức Linh Phi...., thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”.*  ***- Ý nghĩa của đoạn kết đối với việc thể hiện chủ đề:*** Đặt ra 3 vấn đề: + Hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương: bao dung, vị tha, nặng lòng với gia đình. Chính khát vọng hạnh phúc gia đình đã đưa Vũ Nương trở về gặp gỡ chồng trong hạnh phúc đoàn tụ, dù là hết sức ngắn ngủi.  + Tạo nên một hình thức kết thúc có hậu cho tác phẩm: nỗi oan được giải. → Thể hiện sự công bằng trong cuộc đời. Thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân về lẽ công bằng trong cuộc đời, người tốt dù trải qua bao oan khuất cuối cùng vẫn được minh oan.  + Song thực chất đoạn kết là một kết thúc ngầm chứa một bi kịch: Vũ Nương trở lại trần thế uy nghi, loang loáng nhưng mờ nhạt 🡪 Đoạn kết là một chút an ủi cho người bạc phận khi hạnh phúc thực sự đã mất đi thì không bao giờ tìm lại được.  **2.2. Nhân vật Trương Sinh**  - Lời giới thiệu của người kể chuyện: Con nhà giàu, ít học, đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá mức.  🡪 Lời giới thiệu khách quan về nhân vật, định hướng cho người đọc dự đoán ngay từ đầu về hạnh phúc mong manh của cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương – Trường Sinh.  - Trương Sinh trở về sau 3 năm đi lính:  + Tâm trạng nặng nề, không vui: “*Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi”*.  + Thái độ khi nghe lời bé Đản nói: ngạc nhiên 🡪 gạn hỏi 🡪 đinh ninh là vợ hư.  + Hành động vũ phu: la um lên cho hả giận 🡪 không tin lời vợ phân trần 🡪 mắng nhiếc nàng 🡪 đánh đuổi đi.  🡺 **Nhận xét:** Với bản tính ít học lại hay đa nghi như đã giới thiệu ở phần đầu, Trương Sinh dễ tin lời nói của con trẻ, không cho vợ một cơ hội để thanh minh . Khi cơn ghen bùng nổ, Trương Sinh có lối cư xửthô bạo, độc đoán, mù quáng, tàn nhẫn.  **3. Lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện**  - Lời thoại của nhân vật, dù là đối thoại hay độc thoại, đều có vai trò nhất định trong VB truyện: kết hợp thể hiện tính cách nhân vật và làm nảy sinh xung đột hay thúc đẩy cốt truyện phát triển.  Chẳng hạn, tác dụng của một số lời thoại trong *Chuyện người con gái Nam Xương:*  + Lời than với thần sông của Vũ Thị (sau những lời kêu oan, Trương Sinh không nghe):*”Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám…và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.*  => Lối độc thoại đặc biệt: Trong đoạn lời thoại trên, Vũ Thị Thiết nói với trời đất, thần linh, nói với hư vô, nói vọng vào cõi khác, thực ra là tự nói với chính mình, một lối giao tiếp mang tính tâm linh.  => Tác dụng: Lời thoại vừa như một lời tự bạch, môt lời nguyền vừa tha thiết cầu xin thần linh chứng giám, hiểu cho sự trong trắng, thành tâm của mình. Nó được chứng minh bằng chính mạng sống của Vũ Thị.  + Lời thoại của Bé Đản là các lời đối thoại với Trương Sinh:  *- Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít. (1)*  *- Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, những chẳng bao giờ bế Đản cả.(2)*  *- Cha Đản lại đến kia kìa (3)*  (Chàng hỏi đâu. Nó chỉ bóng chàng trên vách) *– Đây này! (4)*  => Lượt thoại (1) và (2) có tác động thúc đẩy sự kiện tiếp theo (quan hệ nhân - quả), khiến một kẻ làm cha cả ghen, hồ đồ như Trương Sinh nổi lòng ghen và mù quáng hắt hủi đuổi Vũ Thị.  => Lượt thoại (3) và (4); Nút thắt bất ngờ có hai tác dụng vừa minh oan cho Vũ Thị vừa vạch cho Trương Sinh tự biết sai lầm chết người của mình. Nó cũng chuẩn bị cho diễn biến tiếp theo của câu chuyện: lập đàn giải oan và cái kết không thể khác. (sự hồ đồ độc đoán và hối hận muộn màng của Trương Sinh phải trả giá, không thể sửa sai hay cứu vãn). | |
| **IV. Hướng dẫn tổng kết bài**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  - Phát biểu chủ đề của tác phẩm và trình bày suy nghĩ của em về chủ đề đó.  - Khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn, nhóm   * - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá | **IV. Tổng kết**  **1. Chủ đề**  - Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam - Cảm thông với số phận nhỏ nhoi, bất hạnh, bi kịch của ngươi phụ nữ dưới chế độ phong kiến. - Phê phán thói ghen tuông mù quáng, tính độc quyền gia trưởng của đàn ông trong gia đình 🡪 vấn đề muôn thuở của mọi thời đại. - Tố cáo chiến tranh phi nghĩa đã gây nên cảnh gia đình chia lìa, đổ nát.  **2. Đặc sắc về nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính: Dựa vào cốt truyện có sẵn cộng với sự sáng tạo của tác giả, tăng cường tính bi kịch và làm truyện trở nên hấp dẫn, sinh động. - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: Miêu tả qua lời người kể chuyện và qua lời nói của nhân vật (lời đối thoại, độc thoại của nhân vật).  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường.  - Kết hợp tự sự và trữ tình. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **1. Hướng dẫn HS luyện tập: \* NV1: Trả lời câu hỏi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:**  Lời bình ở cuối truyện về Vũ Thị Thiết có đoạn: *“Nếu không được trời xét tâm thành, nước không làm hại, thì xương hoa vóc ngọc, đã chôn vào họng cá nơi lòng sông, còn đâu được lại thông tin tức để nết trinh thuần được nhất nhất bộc bạch ra hết”.* Em có đồng ý với lời bình trên không? Vì sao? Qua nhân vật Vũ Thị Thiết, em hiểu thêm điều gì về số phận người phụ nữ trong một xã hội đề cao nam quyền.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.  HS khác nhận xét, bổ sung  Bước  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **\* NV2: Thiết kế thẻ đố tri thức**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chuẩn bị khoảng 40 thẻ bìa cứng, phát cho 4 nhóm mỗi nhóm 10 thẻ.  GV nêu yêu cầu:  - Mỗi nhóm soạn 10 câu đố xoay quanh tác giả Nguyễn Dữ và nội dung, nghệ thuật tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*.  - Thiết kế và viết câu đố vào thẻ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm, soạn câu hỏi và thiết kế thẻ đố tri thức.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn HS chia 10 thẻ đố thành 02 bộ nhỏ: Mỗi bộ gồm 05 thẻ đố.  - GV tổ chức cho các nhóm bốc thăm và thi đố.  + Mỗi nhóm sẽ có 02 lượt thi.  + Mỗi lượt sử dụng 01 bộ thẻ đố   |  |  | | --- | --- | | **Lượt thi đố** | **Kết quả** | | Nhóm 1 |  | | Nhóm 2 |  | | Nhóm 3 |  | | Nhóm 4 |  |   - Các nhóm trả lời câu đố theo các bộ thẻ đố  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét các câu đố và cách thiết kế các thẻ đố tri thức. | **IV. LUYỆN TẬP:**  **\* NV1:** HS phát biểu ý kiến (đồng tình/không đồng tình)  Chẳng hạn: Em đồng tình vì: Nội dung đoạn trích khẳng định *tâm thành* tấm lòng thành – sự hiếu nghĩa với mẹ chồng, sự chung thuỷ với chồng, sự trong sáng thành thực với trời đất, nước non của Vũ Nương – đã được trời cứu xét, nước chở che.  - Từ đó, HS nêu nhận thức về số phận của người phụ nữ qua nhân vật Vũ Thị Thiết:  + Trong hoàn cảnh chiến tranh, chồng đi lính, gánh nặng gia đình đè lên đôi vai người phụ nữ.  + Số phận nô lệ, chịu đựng bất công của người phụ nữ.  + Tâm thành của Vũ Nước chỉ có trời nước biết, cứu xét, che chở, chồng không hay biết, nhưng trong cuộc đời thực, nàng phải chấp nhận cái chết oan khuất, được minh oan quá muộn màng.  **\*NV2:**  Bộ thẻ đố tri thức của các nhóm học sinh.  *dục môi trường, tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo tồn thiên nhiên.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết “cái bóng” trong truyện.  **Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - HS viết bài  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét. | **V. VẬN DỤNG:**  Suy nghĩ về chi tiết “cái bóng”:  - Giá trị nghệ thuật của chi tiết:   + Cái bóng là một chi tiết đặc sắc, là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn.  + Cái bóng là đầu mối, điểm thắt mở nút của câu chuyện: dẫn đến oan khuất và giải oan cho Vũ Nương.  - Giá trị nội dung, tư tưởng:  + Góp phần thể hiện, khắc họa rõ tính cách các nhân vật: Bé Đản ngây thơ; Trương Sinh hồ đồ, đa nghi; Vũ Nương yêu thương chồng con.  + Cái bóng góp phần tố cáo xã hội phong kiến bất công, khiến hạnh phúc của người phụ nữ hết sức mong manh.  ***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn vớidung lượng khoảng 7 – 9 câu. |  |  | | **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: suy nghĩ về chi tiết “cái bóng” trong truyện. |  |  | | **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  | |

**Tiết 46-47**

**2. Văn bản: TRUYỆN LẠ NHÀ THUYỀN CHÀI**

**(Ngư gia chí dị)**

**(Lê Thánh Tông)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | |
| **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Trò chơi “Ai nhanh hơn”:**  Lớp chia thành 2 đội chơi. Thực hiện yêu cầu: Liệt kê những từ ngữ, cụm từ chỉ vẻ đẹp ngoại hình cũng như phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam. Trong 3 phút, nhóm nào liệt kê được nhiều từ ngữ, cụm từ đúng sẽ dành được chiến thắng  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện theo các bước GV yêu cầu  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện 1, 2 nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **\* Dự kiến sản phẩm:** xinh đẹp, dịu dàng, vị tha, chung thuỷ, đảm đang, tình nghĩa, cần cù, nhường nhịn, hi sinh, tần tảo, giỏi giang,…  **\*Bước 4: Kết luận/nhận định:**  Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn vào bài  *Vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam luôn là một nguồn cảm hứng lớn trong quá trình sáng tạo của nhà thơ, nhà văn. Từ xưa đến nay, cả trong văn học dân gian và văn học viết Việt Nam có rất nhiều tác phẩm viết về đề tài này. Văn bản chúng ta học ngày hôm nay cũng không nằm ngoài đề tài có sức hấp dẫn lớn ấy. Vậy trong văn bản này, nhân vật mang những vẻ đẹp nào trong những vẻ đẹp mà chúng ta kể tên? Chúng ta cùng đi khám phá điều đó qua truyện truyền kì “Truyện lạ nhà thuyền chài” (Lê Thánh Tông)* |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm hiểu chung về tập sách *Thánh Tông di thảo,* văn bản *Truyện lạ nhà thuyền chài*** | | | | Nội dung cần tìm hiểu | **Nhóm 1, 2: Nêu một vài hiểu biết của em về tập sách *Thánh Tông di thảo***  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  .............................................. | **Nhóm : Tìm hiểu văn bản**  - Xuất xứ:................  .......................................  - Thể loại:......................  - Ngôi kể:.......................  - Các phương thức biểu đạt của văn bản: .....................................  ......................................  - Bố cục văn bản:  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  ..............................................  .............................................. |  |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: TÌM HIỂU NỘI DUNG, CỐT TRUYỆN, SỰ KIỆN**  **1. Nội dung bao quát của truyện là:** .................................................................................................  .................................................................................................  **2. Dựa trên nội dung các phần đã được đánh số trong SGK, HS hãy tóm tắt lại truyện dựa vào các sự kiện trong câu chuyện:** |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05: TÌM HIỂU KHÔNG GIAN, THỜI GIAN, NHÂN VẬT**  1.Các nhân vật trong VB gồm: ......................................................................  Nhân vật chính là: .................................., nhân vật phụ là: ...............................................  2. Xác định trật tự thời gian, không gian trong truyện:   |  |  | | --- | --- | | Không gian |  | | Thời gian |  | |      |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 06: TÌM HIỂU YẾU TỐ KÌ ẢO, LỜI CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN**  1. Tìm các chi tiết kì ảo được sử dụng trong tác phẩm và nêu tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm:   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng đối với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng** | | .....................................................  ..................................................... | ................................................................................  ................................................................................ |  1. Nhận xét về đặc điểm lời của người kể chuyện trong VB.   .............................................................................................................................................  ............................................................................................................................................. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8: TÌM HIỂU VỀ NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Về việc học và chọn nghề của Thúc Ngư** | | **Về tính cách nhân vật Ngoạ Vân** | | | Liệt kê các lời thoại của Thúc Ngư về việc học và chọn nghề | Nhận xét về quan niệm học và chọn nghề của Thúc Ngư | Tính cách của Ngoạ Vân | Chi tiết tiêu biểu | | ….................. | ….................. | ….................. | ….................. | | Đồng tình/ không đồng tình: …................. | Lí giải: | Nhận xét: | | |  |  | | …................ | …................. | | | |
| **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung: NV1: Tìm hiểu chung về tập sách *Thánh Tông di thảo* và văn bản *Truyện lạ nhà thuyền chài***  **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS thảo luận và trình bày theo hình thức “Cặp đôi hoàn hảo”  - Cách thực hiện: Học sinh thảo luận nội dung về tác phẩm *Thánh Tông di thảo* và văn bản *Truyện lạ nhà thuyền chài* (Theo PHT 01) đã chuẩn bị ở nhà và trình bày kết quả đã chuẩn bị, có thể sử dụng đa dạng các hình thức phỏng vấn, đóng vai, tiểu phẩm ngắn,..  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận cách chia sẻ cặp đôi.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.** - GV yêu cầu đại diện 1-2 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình theo hình thức “Cặp đôi hoàn hảo”  - Các cặp đôi khác lắng nghe, bổ sung góp ý nội dung, cách trình bày của nhóm bạn  **\* Bước 4. Kết luận/nhận định.**  GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và khả năng trình bày trước lớp, sự ăn ý của các cặp đôi khi thuyết trình.  - GV kết luận thông tin chính về tác giả, tác phẩm.GV chiếu một số hình ảnh về nhà văn. GV nói rõ chất trữ tình trong văn.  **A person in a long robe looking at a butterfly  Description automatically generated**  **Ảnh bìa một bản in cuốn *Thánh Tông di thảo***    **NV2: Đọc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm:  Đọc:  - GV hướng dẫn cách đọc:  - Khi đọc VB, cần đọc to, rành mạch, ngắt nhịp đúng dấu câu thể hiện nhịp điệu của câu văn. Chú ý lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong VB.  - Vận dụng kĩ năng *Theo dõi,* *suy luận* trong khi đọc VB.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó.  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB, thể loại, đối tượng thuyết minh, bố cục VB.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **II. Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản:**  **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin cơ bản và nhan đề của văn bản**  **\*THẢO LUẬN THEO CẶP**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS phân tích được thông tin cơ bản của VB; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB thông qua **phiếu học tập số 02**:   |  | | --- | | **PHIẾU HT số 02**  **TÌM HIỂU THÔNG TIN CƠ BẢN VÀ NHAN ĐỀ VĂN BẢN** | | *1.. Xác định (những) thông tin cơ bản mà VB trình bày và đặc điểm nhan đề của VB.*  *2. Phân tích mối quan hệ giữa nhan đề Ngọ Môn với các thông tin cơ bản của VB.* |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp.  - GV quan sát, khích lệ HS.  *CH tháo gỡ khó khăn:*  Em hiểu thế nào là thông tin cơ bản? Theo em, nhan đề có đặc điểm và vai trò như thế nào trong VB?  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện 1 vài cặp trả lời.  - HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.  ***Lưu ý:*** Nên sử dụng mũi tên hai chiều để biểu thị mối quan hệ giữa nhan đề và các thông tin cơ bản.  **NV: Tìm hiểu về các đặc điểm của văn bản giới thiệu một di tích lịch sử**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận theo kĩ thuật mảnh ghép:**    **Vòng 1: Nhóm chuyên gia:**  - GV chia lớp thành 03 nhóm.  - Thảo luận nhóm trong thời gian 5 phút để hoàn thành (1) PHT số 03:  GV chia lớp thành 3 nhóm lớn  Phân công nhiệm vụ như sau  Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm về cấu trúc VB  Nhóm 2: Tìm hiểu về đặc điểm hình thức của VB  Nhóm 3: Tìm hiểu về các trình bày thông tin VB.  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm (Phiếu HT số 03  - Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, trong Phiếu học tập, sau đó thảo luận nhóm.  **\* Vòng 2: Nhóm mảnh ghép**  - Chuyển nhóm tạo thành mảnh ghép mới.  - Mỗi thành viên ở nhóm mới chia sẻ kết quả đã thảo luận ở vòng 1 (chia sẻ đến khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu, được tất cả nội dung ở vòng 1)  ***-* Nhóm mảnh ghép thảo luận câu hỏi sau:**  (2) *- Nêu những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong VB và vai trò của chúng trong việc cung cấp thông tin về di tích Ngọ Môn.*  *- Phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ trong VB “Ngọ Môn” có mối quan hệ gì?*  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3: Tìm hiểu một số thông tin chi tiết về nền đài và lầu Ngũ Phụng**  **HOẠT ĐỘNG ĐÔI**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **PHIẾU HT số 04**  **Tìm hiểu thông tin chi tiết của VB *Ngọ Môn***  *1. Khi giới thiệu về di tích lịch sử Ngọ Môn, tác giả đã nêu nhưng thông tin chi tiết về nền đài và lầu Ngũ Phụng…………………………………*  *2. Chỉ ra những thông tin chi tiết ấy và nhận xét về vai trò của chi tiết ấy trong toàn văn bản.*  *…………………………………………………..*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV mời đại diện 2 cặp chia sẻ kết quả đã thảo luận  - Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm cặp.  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Khái quát những đặc điểm về hình thức và nội dung của văn bản *Ngọ Môn*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức.  **NV2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về các nhân vật**  **\*Tìm hiểu nhân vật Vũ Nương**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**  Nhóm 1, 2: Hoàn thành phần về việc học và chọn nghề của Thúc Ngư (PHT 07)  Nhóm 3, 4: Hoàn thành phần về tính cách của Ngoạ Vân (PHT 07)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận theo định hướng.  Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.  **Bước 4: Kết luận/nhận định:**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.  **NV3: Hướng dẫn HS tìm hiểu Đặc điểm và tác dụng của phần lời thơ và lời hát trong truyện, lời bàn ở cuối truyện**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân theo yêu cầu:   * Dãy 1: Trả lời câu 5 (sgk, tr.104) * Dãy 2: Trả lời câu 7 (sgk, tr.105)   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 – 2 trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  - Phát biểu chủ đề của tác phẩm và trình bày suy nghĩ của em về chủ đề đó.  - Khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn, nhóm   * - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận/nhận định:**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:**  **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**  **1. Tập sách *Thánh Tông di thảo***  - Tương truyền là sáng tác của vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497).  - Nhan đề: *Thánh Tông di thảo* nghĩa là bản thảo để lại của Thánh Tông. Nhan đề của tập sách do người đời sau đặt.  - Tập sách gồm 19 truyện kí và một truyện phụ lục, viết theo nhiều thể loại khác nhau (truyền kì, ngụ ngôn, tạp kí)  - Cốt truyện, nhân vật thường dựa trên các sự kiện, câu chuyện trong sử sách, văn liệu hoặc thực tế cuộc sống nhằm thể hiện nhiều chủ đề khác nhau như đề cao tài trị nước, yên dân của nhà vua, đề cao tư tưởng Nho giáo hoặc phê phán tư tưởng giáo điều,…  - Đầu sách có bài tác giả vả cuối mỗi tác phẩm có lời bình của Sơn Nam Thúc.  => Lối xây dựng nhân vật, cách kể chuyện,…ở truyện này được xem là bước phát triển trong văn xuôi ở Việt Nam.  **2. Văn bản:**  **a. Đọc và giải thích từ khó**  Giải nghĩa các cụm từ: (chú ý phần chân trang sách).  **b. Tìm hiểu chung:**  **\* Xuất xứ:** Là một trong 19 tác phẩm trong tập truyện kí *Thánh Tông di thảo do Nguyễn Đình Ngô dịch.*  **\* Thể loại:** Truyện truyền kì  **\* Ngôi kể:** thứ ba (người kể chuyện giấu mình*)*  **\* Phương thức biểu đạt:** tự sự kết hợp biểu cảm, miêu tả, …góp phần thể hiện sự chuyển biến cảm xúc, suy nghĩ, hành động của nhân vật.  **c.** **Bố cục: 4 phần**  - Phần 1 (Từ đầu → *“phần con”):* Giới thiệu gia cảnh nhà thuyền chài  - Phần 2: (Tiếp theo → *“thế nào cũng mặc”):* Giới thiệu nhân vật Thúc Ngư và quan niệm học hành của cậu bé.  - Phần 3: (tiếp theo -> *“Trông như người thường và không có gì khác cả”):* Cuộc gặp gỡ của gia đình thuyền chài và gia đình Ngoạ Vân, hôn lễ của Thúc Ngư và Ngoạ Vân.  - Phần 4 (Còn lại): Ngoạ Vân từ biệt gia đình Thúc Ngư.  **II. SUY NGÂM VÀ PHẢN HỒI:**    **1. Đặc điểm của thể loại truyện truyền kì qua VB *Truyện lạ nhà thuyền chài***  **a. Nội dung bao quát:**  Qua câu chuyện về nhà thuyền chài và và câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh, truyện thể hiện tình yêu thương và tình đoàn kết gia đình, đồng thời sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam.  **b. Cốt truyện**  (1) Do hiếm muộn, 60 tuổi vợ chồng lão đánh cá mới sinh được cậu con trai đặt tên là Thúc Ngư.  (2) Khi đã 15 tuổi, Thúc Ngư không chịu đi học theo lời khuyên của cha với lí do: trong sách không có cá và không thể lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá được. Rồi Thúc Ngư bỏ công sức hai, ba năm lặng lẽ tự mình đi tìm bằng được *“một người vợ về làm thay cha mẹ, chung sức lại để có thể kiếm được nhiều tiền hơn, may ra nghiệp nhà có thể khá lên được ít nhiều”.*  (3) Một lần, cha mẹ Thúc Ngư mải đánh cá, trời tối, lạc lối về. Ông bà tình cờ gặp được cha mẹ của Ngoạ Vân; được tiếp đón rất nhiệt tình, nồng hậu, lại gặp mặt được cả Ngoạ Vân, cô con dâu tương lai. Hai bên vui vẻ kết làm thông gia. Ngoạ Vân dùng phép thuật đưa ông bà về tận nhà chỉ trong chớp mắt. Hôn lễ của Thúc Ngư – Ngoạ Vân được tiến hành sau đó không lâu.  (4) Từ đó, nhờ có sự góp sức của Ngoạ Vân, công việc đánh cá thuận lợi, bội thu, gia tư giàu có. Cứ như thế được bốn năm. Chẳng may, một đêm gia đình nghỉ đánh cá, đang đi làm lễ “khất xảo” thì tai hoạ xảy ra. Biển khơi dậy sóng lớn, nhấn chìm tất cả. Ngoạ Vân phải tận lực dùng phép thuật ngăn sóng dữ cứu được cha mẹ Thúc Ngư, Thúc Ngư và gia sản nhà chồng. Tuy vậy, khi đã để lộ bí mật của bản thân và “thiên cơ”, Ngoạ Vân phải từ biệt chồng và cha mẹ chồng. Nàng khóc, giã biệt mọi người bằng một bài hát bi thương và không quên để lại cho Thúc Ngư một bí quyết phòng tránh gió to, sóng dữ nơi biển cả  Cuối truyện là lời bàn của Sơn Nam Thúc.  => Trong cốt truyện có nhiều yếu tố kì ảo (nói cụ thể ở phần dưới)  **c. Không gian, thời gian, nhân vật chính/phụ**  - Không gian: Sự kiện được kể theo các phạm vi khác nhau: không gian thực (miền biển nhà thuyền chài sinh sống) – đảo ấp, nơi ở của gia đình Ngoạ Vân (thế giới kì ảo); con người có thể đi về giữa hai thế giới.  - Thời gian: Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước). Con người có thể sống nhờ những sức mạnh siêu nhiên, phi thường.  - Nhân vật:  + Nhân vật chính: Thúc Ngư, Ngoạ Vân  + Các nhân vật phụ: vợ chồng nhà thuyền chài, bố mẹ Ngoạ Vân, “gã bán kinh”  => Các nhân vật mang đặc điểm của nhân vật trong truyện truyền kì: xuất hiện nhiều nhân vật kì ảo: Ngoạ Vân, bố mẹ Ngoạ Vân, gã bán kinh.  **d. Các yếu tố kì ảo**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng khắc hoạ nhân vật** | **Tác dụng thể hiện chủ đề** | | *Nhân vật và thế giới kì ảo*: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác ở trần gian | Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tnh cách của con người | Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh | | *Hành động kì ảo*: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngo Vân |   **e. Lời của người kể chuyện**  - Người kể chuyện trong VB là người kể chuyện ở ngôi thứ ba, biết hết mọi chuyện ở trần gian (gia cảnh nhà thuyền chài, quan niệm học hành của Thúc Ngư) và chuyện ở đảo ấp (dòng dõi của Ngoạ Vân, “thiên cơ”), nắm được mọi hành động, suy nghĩ của các nhân vật trong truyện.  - Chiếm tỉ lệ cao trong VB.  **2. Tìm hiểu các nhân vật Thúc Ngư và Ngoạ Vân**  **2.1. Nhân vật Thúc Ngư**  Tính cách của nhân vật Thúc Ngư được thể hiện rõ trong đoạn đối thoại của Thúc Ngư và cha của mình về chuyện học hành. Từ đó, cho thấy quan niệm về việc học và việc chọn nghề của Thúc Ngư.  Cụ thể, những lời thoại của Thúc Ngư như sau:  *- Đi học là thế nào?*  *- Trong sách có cá không?*  *- Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?*  *- Trong sách đã không có cá, lời nói lại không thể đem đánh được cá, con học làm gì?*  *- Con nghĩ cha mẹ tuổi già mà gia tư lại bần bạc, muốn tìm một người vợ về làm thay cha mẹ, chung sức lại có thể kiếm được nhiều tiền hơn, may ra nghiệp nhà có thể khá lên được ít nhiều*.  => Ba lượt thoại trên thể hiện quan niệm đơn giản của Thúc Ngư: Phải lấy động cơ, hiệu quả thực tế (giúp cha mẹ đánh được nhiều cá, bớt lam lũ, vất vả) làm mục đích để quyết định có đi học hay không. Mục đích của việc học là để giúp cha mẹ kiếm sống bằng nghề cá thuận lợi hơn: *Con nghĩ cha mẹ tuổi già mà gia tư lại bần bạc, muốn tìm một người vợ về làm thay cha mẹ, chung sức lại có thể kiếm được nhiều tiền hơn, may ra nghiệp nhà có thể khá lên được ít nhiều*.  => Quan điểm của Thúc Ngư phù hợp với hoàn cảnh của gia đình chàng lúc bấy giờ, hơn nữa đây không phải là một lời phát biểu bồng bột vì qua cách Thúc Ngư lí giải với cha về quan niệm đi học của mình và qua câu nói: “*Nhưng việc trăm năm không nên cẩu thả, cho nên con phải đi lâu ngày để suy xét cho kĩ”* ta thấy Thúc Ngư là người hiểu chuyện.  => Quan niệm của Thúc Ngư xuất phát từ tình yêu thương dành cho cha mẹ và trách nhiệm với gia đình.  **2.2. Nhân vật Ngoạ Vân**   |  |  | | --- | --- | | Tính cách của Ngoạ Vân | Chi tiết tiêu biểu | | * Thuỳ mị, nết na, tháovát, giỏi giang. | - Lần đầu tiên gặp bố mẹ chồng, Ngoạ Vân ngồi lễ bốn lạy; khi ăn cơm xong, Ngoạ Vân thân hành tiễn chân ra đến chỗ cắm thuyền và cẩn thận nhắc hai “gã bán kinh” đưa bố mẹ chồng về.  - Trong bốn năm làm dâu, chăm chỉ chung sức gây dựng cơ đồ nhà chồng và là chỗ dựa vững chắc cho công việc đánh cá, giúp nhà chồng giàu có lên. | | - Là người tình nghĩa vẹn toàn chu đáo | - Khi tai hoạ xảy ra, nàng đã hết lòng và xả thân cứu sống cả gia đình nhà chồng cùng gia sản của họ.  - Vì đã làm lộ bí mật bản thân và “thiên cơ”, sợ bố mẹ gặp tai ương nên đành chấp nhận từ giã nhà chồng, hi sinh hạnh phúc riêng, giã từ người chồng thương yêu. |   🡺 **Nhận xét:** Ngoạ Vân đã thể hiện nhữngphẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống qua từng lời nói, hành vi ứng xử của nàng.  **3. Đặc điểm và tác dụng của phần lời thơ và lời hát trong truyện, lời bàn ở cuối truyện**  **3.1 Lời thơ và lời hát trong truyện**  - Phần lời thơ ở đoạn 1: Bốn dòng thơ đầu chủ yếu tự sự; các dòng cuối kết hợp tự sự với biểu cảm (cụm từ mang tính biểu cảm: *cũng thật là* ...).  - Lời hát ở đoạn 4: Lời của Ngoạ Vân (hát đi hát lại) để giã biệt chồng, cha mẹ chồng, và cũng nói với cả trời đất “*ông xanh”*, đây cũng là một dạng đối thoại/ độc thoại nội tâm.  => Tác dụng của việc dùng lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4: nhằm đa dạng hoá ngôn ngữ kể chuyện, lời kể bằng thơ nhằm gợi tả cuộc sống lương thiện, cần mẫn, đầm ấm của vợ chồng ông ngư; lời thoại bằng bài hát thể hiện tình cảm buồn thương, tiếc nuối của nhân vật Ngoạ Vân.  **3.2 Lời bàn ở cuối truyện**  - Nội dung lời bàn của Sơn Nam Thúc ở cuối truyện:  + Giải thích về duyên vợ chồng kì lạ của Thúc Ngư và Ngoạ Vân, từ đó làm toát lên vẻ đẹp của Ngoạ Vân.  + Từ câu chuyện của Ngoạ Vân, gợi ra vấn đề trong cuộc sống về cách ứng xử của nàng dâu với chồng, bố mẹ chồng trong xã hội: Ngầm mỉa mai, phê phán *những kẻ giàu sang mà khinh rẻ nhà chồng, chả hoá người không bằng cá ru”*  => Tác dụng của lời bàn: làm cho người đọc hiểu nội dung câu chuyện một cách sâu sắc hơn. Đồng thời, làm nổi bật tư tưởng, thông điệp mà câu chuyện muốn truyền tải đến người đọc.  **III. TỔNG KẾT**  **1. Chủ đề**  - Tình yêu thương, đoàn kết gia đình.  - Ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh.  **2. Đặc sắc về nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính: Dựa vào cốt truyện có sẵn cộng với sự sáng tạo của tác giả, tăng cường tính bi kịch và làm truyện trở nên hấp dẫn, sinh động. - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: Miêu tả qua lời người kể chuyện và qua lời nói của nhân vật (lời đối thoại, độc thoại của nhân vật).  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường.  - Kết hợp tự sự và trữ tình. |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **\* Nhiệm vụ: Kĩ thuật viết tích cực**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Theo em, yếu tố kì ảo có vai trò gì trong truyện truyền kì? Hãy viết câu trả lời trong một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng.*  **Bước 2:** HS thực hiện yêu cầu của GV  HS hoạt động theo các bước:   1. Xác định chủ đề (ý chính) của đoạn văn: HS tìm cụm từ quan trọng nhất trong câu hỏi này (chính là cụm từ “vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì”) 2. Thảo luận cách triển khai ý trong đoạn văn: Mỗi HS trong nhóm nêu 1 – 2 vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì. Sau đó, HS chia sẻ trong nhóm, nhóm thống nhất, lựa chọn khoảng 3 – 4 ý. 3. HS dựa vào dàn ý của nhóm đã thống nhất để viết thành đoạn văn ở nhà.   **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HĐ nhóm báo cáo sau khi thực hiện xong bước 2: GV mời 2 nhóm bàn lên báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HĐ cá nhân thực hành viết tại nhà. Khi lên lớp, chia sẻ đoạn văn cho các bạn, góp ý cho nhau, đánh giá chéo (dựa vào rubrics đánh giá đoạn văn). GV có thể chọn một số đoạn văn hay để đọc trước lớp.  **Bước 4.** GV nhận xét và kết luận |  |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Sưu tầm những tác phẩm văn học có yếu tố truyền kì  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận:**  *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân  *Liêu trai chí dị* của Bồ Tùng Linh  .**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá và công bố sản phẩm được yêu thích nhất. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Điểm** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 100 chữ) | **1** |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn | **0** |
| **Nội dung** | - Nêu được vấn đề: vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyện truyền kì. | **0,5** |
| Vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyện truyền kì.  + Trong truyện truyền kì, yếu tố kì ảo là cầu nối để đưa ta vào thế giới chưa biết, huyền diệu và bí ẩn trong trí tưởng tượng, vào những giấc mơ không có thật. Nó đem đến cảm giác mới lạ cho người đọc, mở ra một chân trời mới của sức tưởng tượng bay bổng. Gợi sự hấp dẫn, thú vị cho người đọc  + Yếu tố kì ảo còn giúp khắc hoạ rõ nét hơn về nhân vật, góp phần vào sự phát triển của cốt truyện, chủ đề truyện.  + Phản ánh ước mơ của nhân dân: khi chúng ta còn những băn khoăn, suy tư, khát vọng chưa thực hiện được ở thế giới thực, ta sẽ gửi gắm vào các nhân vật, các chi tiết kì ảo để thực hiện ước mơ, khát vọng đó. | **4** |
| Dẫn chứng: Lấy dẫn chứng từ hai tác phẩm đã học *Chuyện người con gái Nam Xương* và *Truyện lạ nhà thuyền chài.* | **2** |
| Khẳng định cảm xúc, nhận thức của người viết | **1** |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | **0,5** |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | **1,0** |

Hs chỉnh sửa đoạn văn theo phiếu chỉnh sửa bài viết:

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thể hiện nội dung yêu cầu chưa? Nếu chưa, hãy bổ sung.

**Tiết 48**

**3. Đọc kết nối chủ điểm:**

**SƠN TINH, THỦY TINH**

**( Nguyễn Nhược Pháp)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Cách 1: PP vấn đáp**  *? Cụm từ “Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chính hồng mao” khiến em nhớ đến câu chuyện truyền thuyết nào trong kho tàng văn học dân gian nước ta? Theo em, những yếu tố nào làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện truyền thuyết đó?*  **Cách 2: Xem video**  GV chiếu cho HS xem video bài hát “Thủy thần” – sáng tác Bùi Hoàng Nam Đức Anh  [*https://www.youtube.com/watch?v=9F3C4l9mBFg*](https://www.youtube.com/watch?v=9F3C4l9mBFg)  **Câu hỏi:** *Bài hát nói về nhân vật chính là ai? Nhạc sĩ đã lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học văn gian nào để sáng tác nên bài hát? Hình dung của tác giả về nhân vật trong bài hát có giống hoàn toàn với nhân vật trong tác phẩm văn học mà em biết không?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **GV dẫn vào bài mới**:  *Những sáng tạo trong nghệ thuật là vô hạn. Với văn học cũng vậy, nhà thơ có thể lấy cảm hứng từ các câu chuyện để sáng tác nên những tác phẩm thơ của mình, mượn những chất liệu của văn xuôi để sáng tạo nên tác phẩm trữ tình. Và bài thơ “Sơn Tinh – Thủy Tinh” của Nguyễn Nhược Pháp là một sáng tạo như thế.* | | |  | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | | | |
| **I. Hướng dẫn tìm hiểu chung**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: Giọng điệu linh hoạt, phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật trong bài thơ.  - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi một HS đọc, rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó: *nhạn, gấm điều, kiệu, Phong Châu,…*  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**   |  | | --- | | **Phiếu học tập 01: Đọc – khám phá chung** | | **1. Nêu một số hiểu biết về nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp.** | | **2. Tìm hiểu chung về bài thơ *Sơn Tinh – Thủy Tinh***:  a. Nêu xuất xứ của văn bản**.**  b. Xác định thể thơ của văn bản  c. Xác định PTBĐ chính của văn bản.  d. Nêu bố cục của văn bản |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **II. Hướng dẫn đọc hiểu văn bản**  **NV : Tìm hiểu về cốt truyện và cách kể**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận theo cặp, hoàn thành PHT số 02 sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT số 02: So sánh cốt truyện và cách kể** | | | | **So sánh** | **Truyền thuyết** | **Bài thơ** | | **Giống nhau** |  | | | **Khác nhau** | | | | *Cốt truyện* |  |  | | *Cách kể* |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi đại diện một số cặp trả lời.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức  **NV 2: Tìm hiểu về nhân vật**  Sơn Tinh, Thủy Tinh tân truyện | Chu Mộng Long  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chia lớp thành 04 nhóm, thảo luận theo kĩ thuật Khăn trải bàn trong thời gian 05 phút, hoàn thành PHT:  + **Nhóm 1, 2:** Hoàn thành **PHT 03** (Tìm hiểu về cách miêu tả nhân vật Sơn Tinh – Thủy Tinh): Tìm một số chi tiết cho thấy sự khác biệt về cách miêu tả nhân vật trong VB *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (thơ Nguyễn Nhược Pháp) và VB *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (truyền thuyết)   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | PHT 03: Cách miêu tả nhân vật Sơn Tinh và Thuỷ Tinh   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật được miêu tả** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong truyền thuyết)** | | Nhân vật Sơn Tinh |  |  | | Nhân vật Thuỷ Tinh |  |  | |   + **Nhóm 3, 4**: Hoàn thành **PHT 04**  (Tìm hiểu về cuộc giao tranh giữa hai vị thần Sơn Tinh – Thuỷ Tinh)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Phía Thủy Tinh** | **Phía Sơn Tinh** | | Hành động, thái độ |  |  | | Các loài tham gia giao tranh |  |  | | Quang cảnh cuộc giao tranh |  | | | Nghệ thuật miêu tả |  | |   **GV có thể giao nhiệm vụ hoàn thành PHT 03, 04 theo nhóm trước tiết học. Trong giờ học thì lên báo cáo sản phẩm.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm để hoàn thành PHT số 03, 04 theo phân công.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi đại diện nhóm 1, 3 lên báo cáo sản phẩm học tập.  + Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện cho nhóm 1; nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện cho nhóm 3.  + HS các nhóm nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức  **NV 3: Tìm hiểu về tính chất kì ảo trong câu chuyện được kể bằng thơ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hoạt động cá nhân:  ? *Liệt kê và nêu tác dụng của một số chi tiết kì ảo của văn bản.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   - GV hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  .  **Thao tác 4: Tìm hiểu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của VB**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hoạt động cá nhân:  ? *Xác định chủ đề và cảm hứng chủ đạo của VB.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - GV hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **III. Hướng dẫn HS tổng kết văn bản**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ***-*** *Khái quát những đặc điểm về hình thức và nội dung của văn bản*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả Nguyễn Nhược Pháp**    **-** Nguyễn Nhược Pháp (1914 – 1938), quê ở Hà Nội.  - Thuộc thế hệ các nhà thơ mới.  - Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại (kịch, truyện ngắn, thơ) nhưng người đọc biết đến ông nhiều hơn cả ở tư cách nhà thơ.  - Tác phẩm thơ tiêu biểu: *Ngày xưa, Chùa Hương, Tay ngà, Sơn Tinh – Thủy Tinh,...*  **3. Bài thơ *Sơn Tinh – Thủy Tinh***  **a. Xuất xứ**: In trong *Tổng tập văn học Việt Nam,* tập 25, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, NXB Khoa học xã hội, 2000)  **b. Thể thơ**: 7 chữ  **c. PTBĐ chính:** tự sự (Cả bài thơ là câu chuyện được kể bằng thơ)  **d. Bố cục: 02 đoạn**  - Đoạn II: Kể lại sự việc Sơn Tinh đem lễ vật đến sớm và được rước dâu; Thủy Tinh đến sau, không cưới được Mị Nương nên tức giận.)  - Đoạn III: Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh và cuộc trả thù hằng năm của Thủy Tinh.    **II. Suy ngẫm và phản hồi:**  **1. Cốt truyện và cách kể**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **So sánh** | | **Truyền thuyết** | | **Bài thơ** | | **Giống nhau** | | Giống nhau về **cốt truyện**: Đều gồm các sự kiện được sắp xếp theo trình tự thời gian tuyến tính, có quan hệ nhân quả:  **+** Vua Hùng thứ 18 kén rể và màn so tài giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.*(Đoạn trích thơ ở SGK đã lược bớt sự kiện này).*  + Sơn Tinh đem lễ vật đến sớm và được rước dâu; Thủy Tinh đến sau, không cưới được Mị Nương nên tức giận.  + Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh và cuộc trả thù hằng năm của Thủy Tinh. | | | | **Khác nhau về cách kể** | | | | | | *Cách kể* | - Chỉ có lời của người kể chuyện ngôi thứ ba  - Sử dụng PTBĐ chính là tự sự, ít yếu tố miêu tả. | | - Ngoài lời của người kể chuyện, còn có lời của nhân vật (lời nói trực tiếp của Mị Nương);  - Có cả lời bình về sự việc của người kể chuyện (thành phần phụ chú, chêm xen trong ngoặc đơn: *Vui chỉ mê xinh ai mới hiểu; Giọng kiêu hay buồn không ai hiểu/ Nhưng thật dễ thương)*  *-* Ngoài PTBĐ chính là tự sự, bài thơ còn sử dụng nhiều yếu tố miêu tả, đan xen yếu tố biểu cảm.  + Miêu tả kĩ ngoại hình, hành động và cảm xúc của Mị Nương; miêu tả kĩ ngoại hình và tài năng của 2 vị thần ST, TT; miêu tả rõ tâm trạng vui sướng của ST khi lấy được Mị Nương; miêu tả kĩ trận giao tranh ác liệt, gây cấn của 2 vị thần với sự tham gia của cả muôn loài trên cạn, dưới nước.  + Yếu tố biểu cảm (miêu tả cảm xúc của người kể chuyên: *Hay đâu thần tiên đi lấy vợ!;* cảm xúc của Mị Nương: *Ôi! Vì ta!*) | |   **2. Tìm hiểu về các nhân vật Sơn Tinh – Thủy Tinh**  **a. Cách miêu tả nhân vật**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật được miêu tả** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong truyền thuyết)** | | Nhân vật Sơn Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói, giống con người. Ví dụ: *Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu/ Mình phủ áo bào hồng ngọc dát/ Tay ghì cương hổ, tay cầm lau* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói | | Nhân vật Thuỷ Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói giống con người  Ví dụ: *Thuỷ Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,/ Yên gấm tung dài bay đỏ choé,/ Mình khoác bào xanh da giời quang* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói |   **b. Cuộc giao tranh giữa hai vị thần**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Phía Thủy Tinh** | **Phía Sơn Tinh** | | Hành động, thái độ | - Cưỡi lưng rồng hung hăng  - Thủy Tinh ghen nên nổi giận, làm biển cả dậy sóng. | - Cưỡi bạch hổ giương oai  - Niệm chú, làm phép thần thông, chống đỡ lại Thủy Tinh. | | Các loài tham gia giao tranh | *Cá voi quác mồm; cá mập quẫy đuôi nhe răng; cua giơ càng như mác; tôm kềnh chạy quắp đuôi lao xao* | *Hùm, voi, báo đuôi quắp, nhe nanh, giơ vuốt, đạp đất gầm*. | | Quang cảnh cuộc giao tranh | *Sóng vỗ reo sấm, sóng cả gầm reo lăn như chớp; mây đen bay mù mịt; sấm ran chớp động lòe xanh; tôm cá dưới biển kêu thất thanh.* | | | Nghệ thuật miêu tả | + Nghệ thuật liệt kê tăng tiến tạo không khí giao tranh ác liệt giữa hai vị thần.  + Sử dụng yếu tố kì ảo (các loài trên cạn, dưới nước tham gia cuộc giao tranh; phép thuật của hai thần).  + Sử dụng nhiều từ láy tượng hình (*lởm chởm, xông xáo, hăm hở, mù mịt*), từ láy tượng thanh (*xôn xao, thin thít*); các phép so sánh (sóng cả...như chớp; càng cua...như mác); phép đối (*Cá voi... – Cá mập...; sấm ran- sét động*,...) | |   .  **3. Chi tiết kì ảo trong truyện**  - Một số chi tiết kì ảo trong VB:  + Đoàn dẫn lễ của Sơn Tinh: *Theo sau năm chục con voi xám/ Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều/ Tải bạc, kim cương, vàng lấp loáng,/ Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*  + Đoàn dẫn lễ của Thuỷ Tinh: *Theo sau cua đỏ và tôm cá,/ Chia đội năm mươi hòm ngọc trai./ Khập khiễng bò lê trên đất lạ,/ Trước thành tấp tểnh đi hàng hai*.  + Thuỷ Tinh gây hấn: *Thuỷ Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng./ Cá voi quác mồm to muốn đớp,/ Cá mập quẫy đuôi, cuồng nhe răng,/ Càng cua lởm chởm giơ như mác,/ Tôm kềnh chạy quắp đuôi xôn xao.*  - Cách miêu tả các yếu tố kì ảo: sử dụng nhiều hình ảnh; nhiều biện pháp tu từ để miên tả (so sánh, liệt kê, đối,...); từ ngữ giàu sức gợi cảm (dùng nhiều từ láy tượng thanh, tượng hình) => Thể hiện trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ, gây ấn tượng, thu hút người đọc; đồng thời tái hiện cuộc so tài, giao tranh căng thẳng của hai vị thần Sơn Tinh – Thuỷ Tinh.  **4. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản**  - Chủ đề: Thông qua cuộc thi tài của hai vị thần Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, tác giả lí giải hiện tượng lũ lụt theo quan niệm dân gian.  - Cảm hứng chủ đạo của VB: Ngợi ca việc vua Hùng chọn được rể hiền tài, tinh thần thượng võ của Sơn Tinh.  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  **-** Cốt truyện dựa vào truyền thuyết dân gian nhưng có nhiều sáng tạo trong cách kể.  - Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo đặc sắc.  - Thể thơ 7 chữ, ngôn ngữ giàu hình ảnh.  **2. Chủ đề - ý nghĩa văn bản**  - Bài thơ lí giải hiện tượng lũ lụt hàng năm dựa trên câu chuyện tình yêu giữa ba người: nàng Mị Nương và Sơn Tinh, Thủy Tinh.  - Phê phán sự hận thù, ghen tuông mù quáng trong tình yêu dẫn đến những hậu quả nặng nề. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết gây ấn tượng mạnh đối với em trong bài thơ “Sơn Tinh – Thủy Tinh” (Nguyễn Nhược Pháp).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS tích cực viết đoạn. * GV động viên, khích lệ.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn:  ***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu. | |  |  | | **2** | | Đoạn văn đúng chủ đề: Cảm nhận một chi tiết ấn tượng nhất trong bài thơ “Sơn Tinh – Thủy Tinh” (Nguyễn Nhược Pháp).  + *Đó là chi tiết nào? Mô tả lại chi tiết.*  *+ Nghệ thuật xây dựng chi tiết?*  *+ Ý nghĩa của chi tiết: Chi tiết làm nổi bật vẻ đẹp gì của các nhân vật?/ Chi tiết làm nổi bật tư tưởng, tình cảm, thái độ gì của tác giả?.*.. |  |  | | **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. | |  |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. | |  |  | | | | |  |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**   * **Nhóm 1, 2: Tập làm hoạ sĩ**   **Yêu cầu:** HS vẽ tranh minh hoạ nội dung bài thơ.   * **Nhóm 3, 4: Tập ngâm thơ**   **Yêu cầu:** HS có thể đọc/ ngâm thơ.  **Lưu ý:** GV chọn 1 số HS tiêu biểu có năng khiếu thích hợp làm nhóm trưởng, nhóm phó 2 nhóm, sau đó cho các HS khác tự nguyện đăng kí làm thành viên một trong hai nhóm.  Cố gắng cân đối thành viên hai nhóm. Nếu lớp đông, có thể mỗi nhóm lớn chia làm 2 nhóm nhỏ hơn để dễ hoạt động nhóm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập sáng tạo.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  - Cho điểm hoặc phát thưởng. | |  | | |

\****Rubric đánh giá sản phẩm hoạt động vận dụng, liên hệ:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Vẽ tranh minh hoạ về nội dung bài thơ  **(10 điểm)** | Các bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  (8 -10 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng các bức tranh chưa thật phong phú.  (5-7 điểm) | Các nét vẽ không đẹp và các bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  ( dưới 5 điểm) |
| Đọc diễn cảm/ ngâm thơ  **(10 điểm)** | Phát âm chuẩn, ngắt nghỉ đúng chỗ; tốc độ đọc phù hợp, ngữ điệu lên xuống giọng truyền cảm, phù hợp  (8 -10 điểm) | Phát âm chuẩn, ngắt nghỉ đúng chỗ; tốc độ đọc phù hợp nhưng ngữ điệu lên xuống giọng còn chưa hợp lí ở một số chỗ.  (5-7 điểm) | Đúng phát âm, tốc độ đọc chưa hợp lí; ngắt nghỉ chưa đúng nhiều chỗ, ngữ điệu chưa đúng  ( dưới 5 điểm) |

**Tiết: 49,50**

**4. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS xem phóng sự đạo văn đạo thơ trên VTV14  (<https://www.youtube.com/watch?v=ADQjbtXI6Ck&t=636s>) (00:00 – 02:30)  **- Tại sao lời bài hát của Phú Quang không được xem là đạo mà lời bài thơ của nhà thơ trẻ lại bị xem là đạo thơ?**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS hướng lên màn hình, suy nghĩ độc lập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS giơ tay trả lời.  **Dự kiến câu trả lời:**  - HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân  **- Gợi ý của GV:** Không ghi nguồn trích dẫn, mặc nhiên thừa nhận sản phẩm trí tuệ của người khác là của mình bị xem là đạo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **Dẫn vào bài:** *Ở bài 2, chúng ta đã học cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn. Vậy thế nào là trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp; việc sử dụng dấu câu thế nào cho phù hơph khi trích dẫn tài liệu. Để trả lời những câu hỏi đó, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay – Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và cách sử dụng dấu câu.* | | |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | | |
| **Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**   * ­Đọc lại bài tập 1, phần *Thực hành tiếng Việt,* bài học 2 (tr.42, sgk): Trong BT1, Cách trích dẫn tài liệu của mục a, c được gọi là cách trích dẫn trực tiếp; cách trích dẫn tài liệu ở mục b được gọi là cách trích dẫn gián tiếp. * Vậy theo em, thế nào là cách trích dẫn trực tiếp? cách trích dẫn gián tiếp? Nhận xét việc sử dụng dấu câu khi trích dẫn tài liệu.   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS tham gia suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:  - HS trả lời cá nhân  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**   GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | | **I. Tri thức tiếng Việt** - *Dẫn trực tiếp* là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người/một nhân vật. Phần dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép.  ­*- Dẫn gián tiếp* là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của một người/một nhân vật theo cách diễn đạt của mình. Phần dẫn gián tiếp thường dùng kèm các từ “rằng”, “là”…và không được đặt trong ngoặc kép. | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **II. Hướng dẫn thực hành tiếng Việt:**  **\*Thực hành bài tập 1, 2, 3 (sgk, tr.109)**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Theo dõi SGK, tr.109, thảo luận nhóm hoàn thành các bài tập 1, 2, 3  **+ Nhóm 1, 2: Bài tập 1.**  **+ Nhóm 3, 4: Bài tập 2**  **+ Nhóm 5, 6: Bài tập 3**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận, hoàn thành BT  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi các nhóm HS trình bày sản phẩm.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | | **II. Thực hành tiếng Việt**  **1. Bài tập 1/ tr 109**  **-** Lời dẫn: *Nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chọi lấy một tiếng cười*.  - Cách dẫn: Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép nhắc lại nguyên văn ý nghĩ của nhân vật Thành.  **2. Bài tập 2/ tr 109:**  a. 5 lần. Trong 5 lần cụm từ “cụ lớn” được sử dụng trong lời thoại của ông Giuốc-đanh, có 3 lần là lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và 2 lần là lời dẫn gián tiếp. (Ông Giuốc-đanh – "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây).  b. Cách ông Giuốc-đanh sử dụng cụm từ “cụ lớn” lặp đi lặp lại thể hiện ông ta rất thích thú, hài lòng khi được thợ phụ gọi mình như vậy; qua đó cho thấy nét tính cách "trưởng giả học làm sang" của ông ta.  c. Trong đoạn văn tự sự dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật thợ phụ và ông Giuốc-đanh, có thể sử dụng cách dẫn trực tiếp bằng hai cách: (1) Dùng dấu hai chấm và đặt lời thoại vào trong dấu ngoặc kép; (2) Dùng dấu hai chấm và dùng gạch đầu dòng.  Ví dụ: Đoạn văn sau dùng cách dẫn trực tiếp thứ hai: Biết ông Giuốc-đanh là "trưởng giả học làm sang", gã thợ phụ bèn nghĩ cách dùng lời nịnh nọt ngọt ngào để vòi tiền ông ta:  *– Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.*  Nghe vậy, ông Giuốc-đanh vô cùng đắc ý. Ông thốt lên:  *– "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.*  **3. Bài tập 3/ tr 109:**  a. Lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích được Nguyễn Dữ sử dụng cách dẫn trực tiếp bằng dấu hai chấm và đặt lời nói của lời nói của Vũ Nương sau gạch đầu dòng.  b. Theo cách dẫn gián tiếp, lời nói của nhân vật Vũ Nương có thể được thuật lại như sau: Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.  Chàng vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào. Vũ Nương nói cho Trương Sinh biết rằng nàng đã thề sống chết không bỏ Linh Phi, rằng rất đa tạ chàng nhưng nàng chẳng trở về nhân gian được nữa.  Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.  c. Điểm khác biệt giữa lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích trên và phần thuật lại của HS: một bên là lời dẫn cách dẫn trực tiếp; một bên là lời dẫn cách dẫn gián tiếp. | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:**  - Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: có hay không người anh hùng trong cuộc sống thường nhật? (Trong đó có sử dụng một số trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp).  - HS chỉ ra những chỗ có dùng trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp  - GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , viết đoạn văn  - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung dựa vào bảng kiểm.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  GV nhận xét và cho điểm HS. | **III. Vận dụng viết đoạn**  **1. Yêu cầu:**  - Dung lượng đoạn văn (khoảng 150 chữ); đảm bảo hình thức đoạn văn.  - Nội dung của đoạn văn: Trả lời cho câu hỏi có có hay không người anh hùng trong cuộc sống thường nhật? (Trong đó có sử dụng một số trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp).  **2. Một số gợi ý:**  - Anh hùng là người có lý tưởng cao đẹp với lối sống cống hiến, thực hiện điều mình tin tưởng mà không hề sợ hãi hay lùi bước trước khó khăn. Họ luôn kiên quyết hành động những điều tốt đẹp cho xã hội và cộng đồng, dựa trên lý tưởng đúng đắn của bản thân và kỳ vọng của mọi người.  Những hành động nhỏ giữa đời thường của họ không phải là những điều siêu nhiên, kì diệu, mà chính là những nghĩa cử tốt đẹp họ đã dành cho mọi người  + Ngày nay, có rất nhiều những anh hùng xuất hiện không chỉ bằng những hoạt động hay cống hiến lớn lao cho xã hội, đất nước mà những người anh hùng còn xuất hiện cả trong hành động nhỏ của mình giữa cuộc sống thường nhật  - Sự lan tỏa những giá trị tốt đẹp từ việc làm và hành động của những người anh hùng thường nhật: tạo niềm tin nơi mọi người, lan tỏa yêu thương, tạo động lực cho xã hội phát triển và ngày càng lớn mạnh.  **3. HS chỉ ra những chỗ có dùng trích dẫn** | | |

**Bảng kiểm đoạn văn có dùng trích dẫn**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng văn (khoảng 150 chữ) |  |
| **2** | Đoạn văn trả lời đúng câu hỏi: có hay không người anh hùng trong cuộc sống thường nhật? |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo mạch lạc cùng hướng về chủ đề; đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, ngữ pháp; sử dụng phương tiện kết nối phù hợp giữa các câu tạo sự liên kết |  |
| **5** | Sử dụng trích dẫn phù hợp |  |

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**Văn bản DẾ CHỌI**

**(Xúc chức)**

**(Bồ Tùng Linh)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **KHỞI ĐỘNG** | | |
| **HOẠT ĐỘNG GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| ? *Các hình ảnh sau khiến em nghĩ đến trò chơi dân gian nào? Em có hiểu biết gì về trò chơi này?*   |  |  | | --- | --- | | Con nít vùng ngoại ô Sài Gòn vẫn chơi đá dế! - Tuổi Trẻ Online | https://cdnmedia.baotintuc.vn/2013/10/11/15/26/ci9.jpg |   *? Em có suy nghĩ thế nào về hậu quả của việc một ông vua lại mê trò chơi chọi dế?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân, giơ tay trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Dự kiến sản phẩm**  - Các hình ảnh trên minh họa trò chơi chọi dế - một trò chơi dân gian của nhiều trẻ em vùng nông thôn.  - Một ông vua lại mê trò chơi chọi dế có thể gây ra những hậu quả khôn lường cho đất nước bởi nếu ham mê trò vui thì vua sẽ quên đi công việc triều chính; hơn nữa nếu vị vua này vì thú vui của mình mà sách nhiễu nhân dân thì sẽ gây ra nhiều tai họa cho nhân dân.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.  **GV dẫn vào bài mới:** *Trò chơi dân gian là một sinh hoạt văn hóa do nhân dân sáng tạo trong quá trình lao động, sản xuất và được lưu truyền tự nhiên, rộng rãi trong cộng đồng. Những trò chơi dân gian không chỉ giúp người dân xua tan đi mệt mỏi sau những giờ lao động, làm việc. Vậy sẽ ra sao nếu một ông vua ham chọi dế? Chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu qua bài học hôm nay về truyện truyền kì “Dế chọi” (Bồ Tùng Linh).* |  | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **PHT 01: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM**  Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, HS trao đổi theo cặp, hoàn thiện bảng kiến thức sau vào trong vở:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Bồ Tùng Linh** | Năm sinh- mất  ... | Nhà văn nước ... | Tác phẩm chính  ... | | **Tác phẩm *Liêu trai chí dị*** | Thể loại  ...  Số lượng  ... | Nguồn gốc... | Nội dung chính:  ... | | | |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  HS trao đổi theo cặp, hoàn thành **PHT 01.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp, hoàn thiện bảng kiến thức  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm:** HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu chú thích, bố cục của VB**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: Chú ý phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.  + Lời của người kể chuyện: đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, khách quan.  + Lời của nhân vật: chú ý về ngữ điệu, giọng điệu phù hợp với tính cách, suy nghĩ của từng nhân vật.  - GV mời 1 số HS đọc diễn cảm một đoạn mà HS thích nhất.  - GV nhắc HS sử dụng chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *theo dõi, dự đoán, đối chiếu, suy luận.*  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang.  - Xác định bố cục của VB.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **II. Hướng dẫn đọc hiểu văn bản**  **Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong VB *Dế chọi***  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu HS làm việc cặp đôi trong 05 phút:**  **1**. Nêu nội dung bao quát của truyện và các sự kiện chính tạo nên cốt truyện, từ đótóm tắt ngắn gọn tác phẩm.  **2.** Xác định không gian, thời gian hệ thống nhân vật trong truyện (nhân vật chính, nhân vật phụ)  **3.** Tìm các chi tiết/yếu tố kì ảo và tác dụng của chúng.  **4.** Nhận xét lời của người kể chuyện.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo lập cặp đôi, hoàn thành các yêu cầu ra PHT.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 số HS phát biểu.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV mời đại diện 2 cặp chia sẻ kết quả đã thảo luận  - Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm cặp.  **NV4: Tìm hiểu một số phương tiện phi ngôn ngữ của VB**  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đọc đoạn VB trong mục “**Một trong những công trình cổ nhất của Sài Gòn**” để tìm thông tin cơ bản và thông tin chi tiết  **PHIẾU HT số 05**  **Tìm hiểu phương tiện phi ngôn ngữ của VB**  *1.  Văn bản sử dụng loại phương tiện phi ngôn ngữ nào?*  *2. Nêu tác dụng của chúng.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV mời đại diện 2 cặp chia sẻ kết quả đã thảo luận  - Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm cặp.  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Chỉ ra những đặc điểm về hình thức và nội dung cơ bản của văn bản *Cột cờ Thủ Ngữ – di tích cổ bên sông Sài Gòn*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức.  **Hướng dẫn HS tìm hiểu về số phận của gia đình Thành Danh dưới tác động của dế chọi**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **\* GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**  **Nhóm 1,2:** Tìm hiểu số phận của gia đình Thành Danh **trước khi** tìm được dế quý dâng quan.  **Nhóm 3,4:** Tìm hiểu số phận của gia đình Thành Danh **sau khi** khi tìm được dế quý dâng quan.  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm:   |  | | --- | | **Nhóm 1, 2: Tìm hiểu số phận của gia đình Thành Danh trước khi tìm được dế quý dâng quan.** | | **Yêu cầu:**  1. Vì sao dân chúng ở huyện Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây phải đi nộp dế chọi?  2. Nêu hoàn cảnh của nhân vật Thành Danh.  3. Khi không tìm được dế quý nộp lên quan trên, gia đình Thành Danh lâm vào cảnh ngộ như thế nào? Những tai họa, bi kịch nào xảy đến với gia đình Thành Danh? |  |  | | --- | | **Nhóm 3,4: Tìm hiểu số phận của gia đình Thành Danh sau khi khi tìm được dế quý dâng quan.** | | **Yêu cầu:**  1. Nêu hoàn cảnh Thành Danh bắt được dế quý.  2. Con dế mà Thành Danh bắt được có gì kì lạ?  3. Nhờ có dế quý nộp lên quan trên, gia đình Thành Danh được hưởng những gì? |   **\*Câu hỏi chung cho cả 4 nhóm:** Phân tích ý nghĩa đối lập giữa hai tình huống của gia đình Thành Danh.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận theo định hướng.  Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.  **Hướng dẫn HS tìm hiểu về bức tranh hiện thực và thái độ của tác giả**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Tính chất hiện thực của truyện được thể hiện qua những chi tiết, sự việc nào? Qua đó, tác giả muốn phản ánh hiện thực nào?  **-** Nhận xét về thái độ của tác giả khi miêu tả hiện thực đó?  - Phân tích ý nghĩa của lời bàn cuối truyện.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  1. Phát biểu chủ đề của tác phẩm.  2. Khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  3. Phân tích lời người kể chuyện trong đoạn văn từ “Thành giở đi giở lại” đến “kì hạn nộp quan”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn.   * - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  Dự kiến sản phẩm  Ý 3. Lời người kể chuyện trong đoạn văn này nói về việc sau khi được bà đồng chỉ lối, Thành Danh đã đi tìm con dế và tìm được con dế trông rất to khỏe. Trong đoạn này, lời người kể chuyện ở ngôi thứ ba, vừa miêu tả cảnh vật, vừa kể sự việc, vừa thể hiện suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật Thành Danh từ lúc đi bắt dế đến lúc bắt được con dế đúng ý thì nâng niu chăm sóc chu đáo. | **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN:**   1. **Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Bồ Tùng Linh** | 1640 -1715 | Nhà văn nổi tiếng Trung Quốc | Tác phẩm chính  *Liêu trai chí dị* | | **Tác phẩm *Liêu trai chí dị*** | - Thể loại  truyền kì  - Gồm 431 truyện | Nguồn gốc: khai thác từ nhiều cốt truyện dân gian và những truyện kì lạ, hoang đường của một số tác giả đời trước. | Nội dung chính: Phê phán mạnh mẽ nền chính trị và những thói hư tật xấu của xã hội TQ thời bấy giờ, đồng thời thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc |   **2. Đọc văn bản**  - Đọc  - Tìm hiểu các chú thích  **- Bố cục:** 4 phần:  + **Phần 1** (Từ đầu*...đủ làm mấy nhà khuynh gia bại sản)*: Nguồn cơn của tai họa nộp dế chọi.  + **Phần 2 (**Tiếp theo… *trời đã sáng rõ vẫn nằm đờ buồn bã*): Dế chọi khiến gia đình Thành Danh lâm vào cảnh ngộ éo le.  + **Phần 3** (Tiếp theo...*giàu sang hơn cả các nhà thế gia*): Dế chọi giúp gia đình Thành Danh hưởng phúc giàu sang.  + **Phần 4**: Lời bàn của tác giả.  **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI:**  **1. Đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong VB *Dế chọi***  **a. Nội dung bao quát**  Thông qua câu chuyện về tục lệ dâng tiến dế quý cho quan lại, tác giả phản ánh mạnh mẽ bộ mặt của quan lại, vua chúa của đất nước Trung Quốc lúc bấy giờ, đồng thời thể hiện niềm đồng cảm với những người nông dân thấp cổ bé họng.  **b. Cốt truyện**  **Các sự kiện chính:**  **-** Đời Tuyên Đức nhà Minh, vua rất mê trò chọi dế, khiến từ lí dịch đến quan lại đua nhau tìm dế hay để nộp lên trên; dân chúng bị sách nhiễu dâng nộp dế chọi đến khuynh gia bại sản.  - Thành Danh- một người có hiểu biết - bị ép giữ chức nhỏ trong làng với nhiệm vụ chính là thúc dân kiếm dế để nộp; do không đáp ứng được yêu cầu của quan trên nên đã bị đánh đập tàn tệ.  - Theo sự chỉ dẫn của bà đồng gù lưng làm nghề bói toán, Thành Danh đã bắt được một con dế quý. Nhưng đứa con trai của Thành Danh vì tò mò mở lồng xem, để dế nhảy mất; sợ bị cha đánh, nó bỏ trốn, rơi xuống giếng; nhưng không chết, trở nên ngây ngốc, cứ ngủ mê mệt.  - Nghe tiếng gáy của một con dế trong nhà, Thành Danh đuổi theo, bắt được một con dế nhỏ. Tuy vẻ ngoài nhỏ bé nhưng con dế đã đánh thắng một con dế tốt có tiếng trong thôn, thắng luôn cả con gà lao vào mổ nó.  - Thành Danh mừng rỡ đưa dế lên nộp quan để dâng vua, quả đúng như lời Thành Danh nói, con dế tuy nhỏ nhưng có thể thắng bất cứ con nào, lại còn biết nhảy nhót theo điệu nhạc khiến vua rất vừa lòng.  - Các quan sau khi được vua trọng thưởng đã nâng đỡ để Thành Danh đỗ được tú tài. Hơn một năm sau, con trai Thành Danh bình phục, kể rằng chính mình đã hoá thành con dế giúp cha; từ đó nhà Thành Danh ngày càng trở nên giàu sang.  **\*HS tự tóm tắt theo các sự việc chính ở trên.**  **c. Nhân vật**  \* Nhân vật chính: nhân vật Thành Danh  \* Nhân vật phụ: người thân của Thành Danh (vợ, con trai); vua, gã thiếu niên, tuần phủ, tri huyện, cô đồng, con dế  (nhân vật kì ảo: cô đồng, con dế)  **d. Không gian, thời gian**  **-** Thời gian: Đời Tuyên Đức nhà Minh.  - Không gian: Trong cung, dân gian. Còn xuất hiện địa danh xác thực (Hoa Âm – Thiểm Tây)  => Thời gian và không gian trong truyện có yếu tố xác thực, cụ thể khiến người đọc ấn tượng là câu chuyện có thực; gây tò mò cho người đọc.  **e. Yếu tố/chi tiết kì ảo**  **- Các yếu tố kì ảo trong truyện:**  + Nhân vật và thế giới kì ảo: con dế, nhân vật cô đồng  + Chi tiết bà đồng bói toán chỉ dẫn vợ chồng Thành Danh nơi có thể bắt con dế.  + Sự việc sau khi làm chết con dế quý của cha, đứa con trai chín tuổi của Thành Danh đã chết đuối dưới giếng, nhưng lại sống lại, thần thái ngây ngốc; hồn hóa thân thành con dế giúp cha thoát nạn; hơn một năm sau bình phục.  - **Ý nghĩa, vai trò của các yếu tố kì ảo:**  + Làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn, tạo màu sắc truyền kì cho câu chuyện.  + Các yếu tố kì ảo làm phát triển mạch truyện, đẩy câu truyện trở nên cao trào và tập trung tháo gỡ bế tắc của nhân vật.  + Góp phần thể hiện chủ đề truyện: thể hiện nỗi thống khổ của người dân, phản ánh hiện thực trong tác phẩm cũng như thái độ của tác giả: phê phán hiện thực xã hội đương thời với bao bất công; vì chiều theo thú vui của giai cấp thống trị mà gây ra bao sóng gió cho người dân hiền lành lương thiện.  **f. Lời của người kể chuyện**  - Người kể chuyện trong VB là người kể chuyện ở ngôi thứ ba, biết hết mọi chuyện, nắm được mọi hành động, suy nghĩ của các nhân vật trong truyện.  - Chiếm tỉ lệ cao trong VB  **2. Số phận của gia đình Thành Danh dưới tác động của dế chọi**  **2.1. Tình huống 1: Trước khi tìm được dế quý dâng quan**  **\*Hoàn cảnh:**  - Đời Tuyên Đức nhà Minh, trong cung chuộng trò chọi dế => bắt nhân gian dâng nộp dế chọi hay.  - Tri huyện Hoa Âm (Thiểm Tây) muốn lấy lòng quan trên nên bắt lí trưởng, lí dịch sách nhiễu dân chúng đem nộp dế => dân chúng huyện này phải chịu họa nộp dế chọi.  - Thành Danh là người có học, tính chất phác nên bị ép làm chức lí chính phải thúc ép dân chúng nộp dế.  **\*Cảnh ngộ éo le, bi đát của gia đình Thành Danh vì tai họa nộp dế chọi:**  **- Nỗi đau thể xác:** Không dám sách nhiễu dân 🡪 không có dế nộp lên quan trên 🡪 bị đánh trăm trượng, máu me bê bết, chỉ nghĩ đến việc tự tử.  **- Nỗi đau tình thần:** Đứa con trai suýt chết  + Nhờ bà đồng mách, Thành Danh tìm được dế 🡪 con trai lén xem, vô tình làm chết dế; sợ hãi bỏ đi và chết đuối dưới giếng 🡪 Thành Danh “chuyển giận thành thương”, “gào khóc muốn tắt hơi”.  + Nửa đêm con nhỏ sống lại, nhưng ngây ngốc như người gỗ, cứ ngủ mê mệt 🡪 Thành Danh nhìn lồng dế rỗng thì đứt hơi nghẹn cổ, nằm đờ buồn bã tới sáng.  => Vì dế chọi mà Thành Danh vất vả, nhọc công tìm kiếm, không những hao hụt hết tiền bạc mà Thành Danh bị đánh nhừ tử, thậm chí còn suýt mất đi con trai của mình.  **2.2. Tình huống 2: Sau khi tìm được dế quý dâng quan**  **\*Hoàn cảnh bắt được dế:**  - Sau khi con Thành Danh sống lại nhưng “thần thái ngây ngốc như người gỗ”, nghe tiếng dế gáy ngoài cửa, Thành Danh đuổi theo.  - Con dế thoắt ẩn, thoắt hiện, tự nhảy xuống tay áo Thành Danh. Tuy không phải con dế trước nhưng Thành Danh vẫn mừng giữ lại.  **\*Đặc điểm của con dế quý dâng lên quan trên:**  - Hình dáng: vừa nhỏ, vừa ngắn, màu tía nhưng nhìn kĩ hình dáng như con chó, cánh hoa mai, đầu xuông chân dài, có vẻ dế hay.  - Con dế chọi không có đối thủ:  + Đánh thắng con dế tốt có tiếng trong làng, lại còn thắng luôn cả con gà lao vào mổ nó.  + Đánh thắng đủ thứ dế lạ khác của các nơi dâng vào cung; đã thế lại còn biết nhảy mỗi khi có nhạc nổi lên.  => Con dế được dâng lên vua, trong cung, nó trở thành con dế vô địch, khiến vua rất vừa lòng. Sau này Thành Danh mới biết con dế quý đó là do con trai hóa thành để giúp cha thoát nạn.  **\*Vận may của gia đình Thành Danh từ khi tìm được dế quý dâng quan:**  - Được Tri huyện miễn sai dịch, được tạo điều kiện đỗ Tú tài; được quan tỉnh trọng thưởng.  - Con trai bình phục bệnh; không quá vài năm mà gia đình trở nên giàu sang (ruộng vườn trăm khoảnh, lầu gác nguy nga, trâu dê cả ngàn con, áo cừu ngựa tốt khi ra khỏi nhà)  => Cũng nhờ có dế chọi mà gia đình Thành Danh trở nên giàu sang, phú quý.  **3.3. Ý nghĩa của sự đối lập giữa hai tình huống**  \***Hai tình huống đối lập:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Không có dế chọi nộp quan trên | >< | Có dế chọi quý để nộp quan trên | | * Gia sản khánh kiệt * Bị đánh nhừ tử * Con trai suýt chết | >< | - Được trọng thưởng  - Trở nên phú quý, giàu sang |   \* **Ý nghĩa**:  - Sự đối lập giữa hai tình huống cho thấy sự vô lối của những kẻ cầm quyền khi chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, đẩy nhân dân vào cảnh cùng cực khổ đau, những vị quan thanh liêm cũng bị chèn ép nặng nề.  - Thể hiện sự phi lí, bất công trong xã hội phong kiến đương thời. Hóa ra số phận của cả một gia đình cũng chỉ được định đoạt trong một con dế bé nhỏ.  (Số phận, sự sống chết, nghèo hèn hay giàu sang của người dân thấp cổ bé họng hoàn toàn phụ thuộc vào tâm trạng hài lòng hay phật ý của giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc thời Tuyên Đức. Những tình huống gặp phải làm cho câu chuyện tăng phần hấp dẫn, khiến người đọc phải suy nghĩ về cuộc sống con người trong xã hội đương thời.)  **3. Bức tranh hiện thực và thái độ của tác giả**  **\*Bức tranh hiện thực:**  - Bối cảnh câu chuyện: Đời Tuyên Đức nhà Minh  - Các chi tiết, sự việc thể hiện tính hiện thực của truyện:  + Trong cung rất chuộng trò chơi chọi dế nên hàng năm bắt dân gian cống nộp.  + Vì muốn lấy lòng quan trên cho nên Tri huyện Hoa Âm (Thiểm Tây) đem hiến 1 con, quan chơi thử thấy hay đòi dâng nộp thường xuyên. Tri huyện lại đòi lí trưởng…(cứ theo cấp bậc để truyền lệnh cống nạp). Dân chúng bị bọn lí dịch sách nhiễu dâng nộp dế đến khuynh gia bại sản.  + Thành Danh vốn người chất phác, ít nói, cho nên bị bọn lí dịch gian giảo phải giữ chân lí chính trong làng. Tuy muôn phương nghìn kế chối từ mà vẫn không thoát. Mới chưa đầy một năm mà cái gia sản nhỏ mọn của anh ta cơ hồ đã kiệt.  + Không có dế nộp lên quan trên, Thành Danh bị trách phạt, bị lôi ra đánh nhừ tử.  + Nhưng cũng vì có con dế  hay dâng vua mà Thành Danh được miễn sai dịch, được cho đỗ tú tài, lại được quan tỉnh trọng thưởng. Con dế quý đã giúp anh lí chính hiền lành “thành danh”, vượt cả bậc quyền quý.  => **Nhận xét**: Chỉ một câu chuyện dâng dế chọi lên vua mà phản ánh được cả bộ mặt của giai cấp thống trị tàn bạo, lộng quyền, ăn chơi sa đoạ và những thảm cảnh mà nhân dân lao động phải chịu đựng. Một con dế chọi có thể mang đến thảm kịch cho một gia đình, một tỉnh nhưng cũng có thể mang vinh hoa phú quý đến cho cả một gia đình, cả một bè lũ quan lại từ trên xuống dưới. Câu truyện đã phơi bày bộ mặt xã hội đen tối của xã hội đương thời với bao bất công, ngang trái, mà ở đó việc “đạp xuống đưa lên” là chuyện bình thường.  **\*Thái độ của tác giả:**  **-** Phê phán chế độ phong kiến đương thời khi mà giai cấp thống trị lộng quyền, chà đạp lên cuộc sống người dân vô tội để thỏa mãn thú vui.  - Đồng cảm, xót thương cho số phận của người dân nhỏ bé.  \***Lời bàn ở cuối truyện**:  - Bàn về sự đổi thay số phận của gia đình Thành Danh, khánh kiệt hay vinh hoa cũng phụ thuộc vào dế chọi. Nhờ tính cách chất phác, tử tế, không sách nhiễu dân chúng dù làm lí chính nên được trời đền đáp trọng hậu.  - Ngầm phê phán hiện thực xã hội bất công, quan lại sâu mọt gây họa cho dân, nắm trong tay quyền sinh quyền sát khiến dân chúng khó lòng sống yên ổn.  => Lời bàn ở cuối truyện vừa giúp chúng ta hiểu thêm về chủ đề, tư tưởng của tác phẩm, vừa thể hiện được thái độ, tình cảm của tác giả.  **III. TỔNG KẾT**  **1. Chủ đề**  **-** Phê phán xã hội phong kiến đương thời với nhiều bất công, vô lí, giai cấp thống trị nhũng nhiễu nhân dân.  - Cảm thông với số phận nhỏ nhoi của người dân lương thiện.  **2. Đặc sắc về nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính.  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện.  - Lời người kể chuyện ngôi thứ ba, vừa miêu tả cảnh vật, vừa kể sự việc, vừa thể hiện suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật. | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu nhận xét của em về tính chất kì ảo của truyện *Dế chọi.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * GV hướng dẫn HS viết đoạn văn, cung cấp bảng kiểm**.**   - HS làm việc cá nhân, hoàn thành đoạn văn.  **1. Nhiệm vụ 1: Sân khấu hóa tác phẩm**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** GV yêu cầu HS biên kịch và nhập vai tái hiện một hoạt cảnh trong tác phẩm truyện “Dế chọi”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.  - Báo cáo sản phẩm sau 01 tuần.  - HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  - Cho điểm hoặc phát thưởng. | |  |

**B. VIẾT  
 TIẾT: 51,52**

**Viết bài văn thuyết minh**

**về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**:Nhóm 2 HSđiền thông tin vào cột K-W trong bảng sau: **Phiếu học tập 01:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **K**  **(Điều tôi đã biết)** | **W**  **(Điều tôi muốn tìm hiểu)** | **L**  **(Điều tôi học được)** | | *Ghi lại ít nhất một điều em đã biết về bài văn thuyết minh một**danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử.*  … | *Ghi lại ít nhất một điều em muốn tìm hiểu trong bài học này*  … | *Sau khi học xong, em hãy ghi lại ngắn gọn những kiến thức trọng tâm bản thân thu nhận được*  … |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**Cá nhân HS suy nghĩ, điền vào cột K và cột W, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: Đại diện các nhóm nêu câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:****Kết luận, nhận định:** GV tổng kết ý kiến của các nhóm, dẫn dắt vào bài học.  **\*GV dẫn dắt vào bài**  - GV nêu vấn đề qua câu hỏi**:** Trong cuộc sống hàng ngày, người ta thường viết bài văn thuyết minh về mộtdanh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử trong những tình huống nào? (1-2 HS trả lời)  - Người ta thường viết bài văn thuyết minh về mộtdanh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử khi viết bài thuyết trình, bài viết dự thi cuộc thi viết, bài giới thiệu địa điểm tham quan, du lịch,…  Ở lớp 8 các em đã được thuyết minh về một hiện tượng tự nhiên, giới thiệu về một cuốn sách. Với bài học này, các em tiếp tục vận dụng kiến thức, kĩ năng để thuyết minh về mộtdanh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử. Vậy chúng ta cần có kĩ năng nào và chuẩn bị những gì cho bài viết. Phần Viết hôm nay chúng ta sẽ rèn những kĩ năng của dạng bài này các em nhé! |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **NV1: Hướng dẫn HS tìm hiểu định hướng về kiểu bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  1. GV yêu cầu HS đọc *Định hướng*, để trả lời câu hỏi:  *Thế nào là bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay danh hay di tích lịch sử?*  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ phần tri thức về kiểu bài trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + 1-2 HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay danh hay di tích lịch sửthuộc loại VB thông tin, được viết nhằm cung cấp thông tin cho người đọc về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử trên các phương diện: vị trí toạ lạc; lịch sử hình thành; đặc điểm kiến trúc, cảnh quan,...; giá trị; cách thức tham quan;… | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **1. Thế nào là bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay danh hay di tích lịch sử**  - *Thuyết minh về danh lam thắng cảnh hay danh hay di tích lịch sử là* văn bản thông tin, nhằm cung cấp cho người đọc về một danh lam thắng cảnh hay danh hay di tích lịch sửtrên nhiều phương diện:  + Nêu lên đặc điểm nổi bật của thắng cảnh/ hau di tích đó (vị trí tọa lạc, lịch sử hình thành, đặc điểm cảnh quan, …)  + Phân tích, làm sáng tỏ vẻ đẹp và giá trị (vật chất và tinh thần) của di sản được giới thiệu;…  + Các hướng dẫn và lưu ý đối với khách khi đến tham quan,… |
| **NV2:****Tìm hiểu Yêu cầu khi viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử**  **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN CẶP ĐÔI**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Dựa vào phần Định hướng (SGK/74)  *Để viết được bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh****,*** *em thực hiện những yêu cầu gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức  **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS đọc ví dụ bài văn *Khám phá Vườn Quốc gia Tràm Chim*  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, 6 (tr 81, sgk)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi  + GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá, chốt kiến thức:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.**  **HĐ CÁ NHÂN**  + GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + Xác định đề tài  + Tìm ý, lập dàn ý của bài viết.  + Tiến hành viết  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ hình thức cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chia sẻ câu trả lời.  - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Yêu cầu**   - Giới thiệu rõ ràng, cụ thể về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  - Trình bày thông tin theo một số kiểu cấu trúc như: trật tự không gian, trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, phân loại đối tượng…  - Dùng đề mục và các dấu hiệu hình thức để làm nổi bật thông tin quan trọng.  - Sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh…) để minh họa và làm nổi bật thông tin.  - Có thể kết hợp thuyết minh với miêu tả, biểu cảm, tự sự để hấp dẫn, thu hút người đọc.  - Trình bày thông tin chính xác, rõ ràng, hấp dẫn.  **- Cấu trúc bài viết cần đảm bảo 3 phần:**  + **Mở bài:** giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  + **Thân bài**: lần lượt trình bày các thông tin về đặc điểm của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử: vị trí tọa lạc, lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, cảnh quan…; giá trị văn hóa, lịch sử, cách thức tham quan…  + **Kết bài:** đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (có thể đưa ra lời mời tham quan).  **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **\* Bước 1: Đọc bài văn *Khám phá Vườn Quốc gia Tràm Chim***  - Đọc bài văn (tr.78->80, sgk)  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  (1) **:** Bố cục của bài viết và nội dung chính của từng phần:  - **Mở bài**: Giới thiệu khái quát về Vườn Quốc gia Tràm Chim.  - **Thân bài**: lần lượt trình bày các thông tin về đặc điểm của Vườn Quốc gia Tràm Chim như: vị trí toạ lạc và lịch sử hình thành, đa dạng sinh học, giá trị của Vườn Quốc gia Tràm Chim và cách thức tham quan Vườn Quốc gia Tràm Chim.  **- Kết bài:** Đánh giá khái quát về Vườn Quốc gia Tràm Chim, đưa ra lời mời gọi tham quan.  (2) **Nhan đề và các đề mục trong VB có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: Nhan đề nêu đối tượng** thuyết minh là Vườn Quốc gia Tràm Chim, còn **các đề mục có vai trò làm nổi bật các thông tin quan trọng** liên quan đến Vườn Quốc gia Tràm Chim như: vị trí toạ lạc và lịch sử hình thành, đa dạng sinh học, giá trị và cách thức tham quan.  (3) **Cách trình bày thông tin được sử dụng chủ yếu** trong bài viết trên là: **trình bày thông tin theo các đối tượng phân loại.** Tác dụng: cung cấp các thông tin khái quát về thắng cảnh và giới thiệu chi tiết về từng đối tượng của thắng cảnh.  (4) Người viết **tô đậm những đề mục** trong VB. Dụng ý: nhấn mạnh thông tin cơ bản của VB, định hướng để người đọc tiện theo dõi nội dung của VB.  (5) : Những lưu ý khi sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử:  - **Sử dụng kết hợp một số loại phương tiện phi ngôn ngữ** như: *sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ*,… để làm minh hoạ và làm nổi bật thông tin trong VB hoặc cung cấp thêm thông tin về đối tượng thuyết minh chưa được thể hiện bằng phương tiện ngôn ngữ.  (6) Những lưu ý khi thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử:  - Cần giới thiệu rõ ràng, cụ thể về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  - Có thể kết hợp thuyết minh với miêu tả, biểu cảm, tự sự để hấp dẫn, thu hút người đọc.  - Trình bày thông tin chính xác, rõ ràng, hấp dẫn.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **III. Thực hành**  **Đề bài: Viết bài văn thuyết minh (khoảng 600 chữ) về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử ở nơi em sống để tham gia cuộc thi “Danh thắng và di tích tôi yêu” do một tạp chí du lịch tổ chức.**  ***Ví dụ: Thuyết minh về vịnh Lan Hạ- Cát Bà***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các bước** | **Nội dung** | | | | **Bước 1.** **Chuẩn bị trước khi viết** | **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Tìm hiểu yêu cầu hoặc thể lệ của cuộc thi mà bài viết cần đáp ứng.  - Xác định đối tượng, kiểu bài, mục đích viết và người đọc.  - Xác định yêu cầu đề:  + Kiểu bài: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử  + Đối tượng thuyết minh: Danh lam thắng cảnh ***vịnh Lan Hạ- Cát Bà*** / phân biệt với di tích lịch sử (là những công trình do con người tạo nên)  + Phạm vi kiến thức: kiến thức địa lí, lịch sử về vịnh Lan Hạ- Cát Bà (eo biển, đảo, bãi cát, quần thể động thực vật, làng chài,...)  + Xác định cách triển khai, trình bày thông tin cho bài viết (theo trình tự thời gian, không gian, nguyên nhân – kết quả hay phân loại đối tượng,… | | | | **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý** | **Tìm ý** | - Cách làm: Đặt ra các câu hỏi.  - Một số câu hỏi:  + Danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử được giới thiệu ở đâu? Có thể đến địa điểm này bằng cách nào?  + Danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử được này có gì đặc sắc (đẹp, hấp dẫn, độc đáo)?  +  Giá trị (văn hóa, tinh thần) của danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử được này là gì?  + Cần làm gì để bảo vệ và phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử được này? | | | **Lập dàn ý** | MB | - Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh: vịnh Lan Hạ- Cát Bà | | TB | - Lần lượt trình bày các thông tin về đặc điểm của danh lam thắng cảnh:  + Vị trí: vịnh Lan Hạ- Cát Bà cách thành phố Hải Phòng 30 km, ở phía Đông [đảo Cát Bà](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3o_C%C3%A1t_B%C3%A0).  + Lịch sử hình thành: Cái tên "Lan Hạ" có nghĩa là đóa hoa lan được giáng xuống trần thế làm đẹp cho đời. Vịnh được hình thành từ hàng triệu năm trước do bàn tay tạo hóa.  + Đặc điểm cảnh quan thiên nhiên: Quần đảo này rộng hơn 7000 ha, sở hữu trên 400 hòn đảo lớn nhỏ khác nhau, nhiều bãi cát nhỏ. Thiên nhiên hoang sơ, nước biển yên lặng, hiền hòa.  + Giá trị lịch sử, văn hóa của danh lam thắng cảnh  + + Là điểm du lịch hấp dẫn giúp phát triển kinh tế cho địa phương  + + Là điểm tham quan, nghỉ dưỡng cho du khách thích khám phá vẻ đẹp hoang sơ, bình yên của biển. Khám phá làng chài vài trăm năm tuổi, vui chơi hòa mình vào thiên nhiên trên Đảo Khỉ, trải nghiệm tắm biển, bơi thuyền, ... đầy thú vị.  + Các hướng dẫn và lưu ý đối với khách khi đến tham quan: mặc áo phao, trang phục phù hợp, an toàn.  + Những việc cần làm để bảo vệ và phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh này: luôn có ý thức bảo vệ môi trường, không vứt rác xuống biển, không có những hành vi làm tổn hại đến động vật trên đảo, cư xử lịch sự với người dân... | | KB | Đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh; bày tỏ suy nghĩ tình cảnh về danh lam thắng cảnh đó (có thể đưa ra lời mời gọi...) | | **Bước 3** **Viết bài** | Viết theo dàn ý đã xây dựng. | | | | | **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  **Bảng kiểm đối chiếu bài viết**  **Bảng kiểm poster hoặc infographic giới thiệu về danh lam thắng cảnh yêu thích**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | | **Mở bài** | Nêu tên được danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. |  |  | | | Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. | | **Thân bài** | Trình bày có hệ thống những thông tin liên quan đến các phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. |  |  | | | Kết hợp thuyết minh với yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, ... | | **Kết bài** | Đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. |  |  | | | Bày tỏ suy nghĩ tình cảm của người viết về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. | | Đưa ra lời mời gọi tham quan (nếu cần) | | **Hình thức và**  **Diễn đạt** | Bố cục cân đối, hài hoà |  |  | | | – Nhan đề và các đề mục để làm nổi bật thông tin chính  – Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ hiệu quả để làm rõ thông tin |  |  | | | Sử dụng hiệu quả cách trình bày thông tin |  |  | | | Chú thích tên cho các phương tiện phi ngôn ngữ và nguồn trích dẫn nếu có |  | |  | | Diễn đạt mạch lạc |  | |  | | - Lỗi về trình bày chính tả, dùng từ và diễn đạt |  | | | | - Lỗi về ý: Thiếu ý, lặp ý, lạc ý ... |  | | | | **Đánh giá chung** | - Bài viết đáp ứng yêu cầu mức độ nào?  - Bản thân em thấy hứng thú hoặc khó khăn nào nhất trong quá trình thực hành viết? |  | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**  (1): Giáo viên chiếu đoạn văn tham khảo cho HS theo dõi, nhận xét và rút kinh nghiệm cho bản thân khi viết bài.  Yêu cầu: Đặt nhan đề và các đề mục cho bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát bài tham khảo.  HStự chọn một ý phù hợp, suy nghĩ cá nhân và viết bài văn theo các bước.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV giao nhiệm vụ kiểm tra ở tiết học sau.  HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.**  GV kiểm tra vào tiết học hôm sau.  GV cho HS tham khảo (Phía dưới phần bài viết tham khảo). |  |

**TIẾT:53-54  
 NÓI VÀ NGHE**

**Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh**

**hay di tích lịch sử**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **KHỞI ĐỘNG** | |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi:  [**https://youtu.be/0QGJgGywBm0?si=DrR8fZhlMGmpkGWI**](https://youtu.be/0QGJgGywBm0?si=DrR8fZhlMGmpkGWI) **(từ đầu đến 3 phút 30 giây)**  *- Đoạn video nói về điều gì?*  *- Theo em, để có thể thuyết minh về một danh lam thắng cảnh* *hay di tích lịch sử, em cần lưu ý những điều gì?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 2 – 3 HS trả lời.  HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. |  |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ? **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**: **(hình thức cặp đôi)**  GV nêu yêu cầu:  Trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau:  *- Để việc thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử một cách hiệu quả, em cần chú ý điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Tổ chức thảo luận cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số nhóm cặp phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**  GV lưu ý: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử cho người khác nghe **cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình**; nghĩa là **sử dụng lời nói, giọng điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp để trình bày lại nội dung bài viết**. Bài này tập trung vào kĩ năng nói (thuyết minh, trình bày). | **I. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI NÓI:**  - Nắm vững **mục đích, đối tượng** nghe và **nội dung** trình bày.  - Biết cách trình bày: **cách nói, cách kết hợp, sử dụng sự hỗ trợ** của thiết bị công nghệ và các yếu **tố phi ngôn ngữ**,…  - Có thái **độ thân thiện, tôn trọng** người nghe, trả lời đầy đủ các câu hỏi,… |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu nhiệm vụ cho HS: 2 bạn là một cặp. Các em đọc SGK trang 84, 85 để nắm được các bước cần thực hiện. Sau đó, chọn một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử để chuẩn bị thiệu giới trước lớp.  - GV chia lớp 5 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm:  - Cử nhóm trưởng, thư kí ghi biên bản.  - Nhiệm vụ của nhóm trưởng:  + Chọn cử 1-2 bạn trình bày trước nhóm phần chuẩn bị bài giới thiệu về danh lam thắng cảnh ở Việt Nam mà em yêu thích  + Tổ chức cho các bạn nhận xét, đánh giá quá trình trình bày của người nói và quá trình nghe và trao đổi của người nghe theo phiếu đánh giá.  - Nhiệm vụ của thư kí: ghi lại biên bản và nộp lại sau khi tổ chức hoạt động xong.  **Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ; báo cáo, thảo luận:** HS làm việc theo nhóm.  **Bước 4. Kết luận, nhận định.** GV nhận quá trình làm việc nhóm, việc thực hiện nhiệm vụ của nhóm trưởng, thư kí. | **II. THỰC HÀNH**  **Cho đề bài sau:** [Bài viết của em được chọn để trình trong buổi trao giải cuộc thi “Danh thắng và di tích tôi yêu” do một tạp chí du lịch tổ chức. Em hãy chuyển bài viết thành bài nói để thuyết minh với người nghe về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/bai-noi-de-thuyet-minh-voi-nguoi-nghe-ve-mot-danh-lam.jsp)  **Bước 1: Chuẩn bị**  Tìm hiểu các thông tin về đối tượng người nghe; địa điểm trình bày bài nói (Ở danh thắng, di tích hay ở địa điểm nào khác? Trong phòng hay ngoài trời?); thời lượng cho phép của bài nói.  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  - Tóm tắt nội dung bài viết thành sơ đồ theo trình tự sau:  **\* Dàn ý bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử**   |  | | --- | | **Mở đầu:**  - Người nói chào người nghe và tự giới thiệu  - Nêu tên danh lam thắng cảnh  - Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh | | **Nội dung chính:**  Trình bày có hệ thống những thông tin liên quan đến các phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh | | **Kết thúc:**  **-** Đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh  - Bày tỏ suy nghĩ tình cảm về danh lam thắng cảnh  - Đưa ra lời mời gọi |   - Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, đoạn phim,…) để tăng sự hấp dẫn cho bài nói.  **Bước 3: Luyện tập và trình bày**  **a. Nói trước lớp**  **\* Yêu cầu của người nói, người nghe**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị  - Đảm bảo sự phù hợp, thống nhất giữa nội dung và hình thức và các phương tiện hỗ trợ thuyết trình. Chú ý cách diễn đạt sao cho hấp dẫn người nghe và tạo vấn đề để thảo luận.  - Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp, tránh đọc bài viết; kết hợp ngôn ngữ nói và cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ; sử dụng hình ảnh, sơ đồ minh họa (nếu cần); đảm bảo thời gian quy định.  - Có thái độ thân thiện, tôn trọng khi nói và trả lời câu hỏi người nghe đặt ra (nếu có). | - Tập trung lắng nghe; nắm được những nội dung chính và quan điểm, thái độ của người nói.  - Ghi lại các ý chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình camt, thái độ của người thuyết trình.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe, sử dụng yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,... |   **b. Nói theo nhóm**  - Yêu cầu của người nói, người nghe.  **Bước 4: Trao đổi, đánh giá**  - Dựa vào bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá bài nói của mình đồng thời góp ý cho bài nói của bạn:  **\* Đánh giá, kiểm tra và chỉnh sửa**  - Phiếu đánh giá bài thuyết trình và quá trình nói **(Phụ lục 1)**  - Phiếu đánh giá và kiểm tra quá trình nghe **(Phụ lục 2)**  - Đánh giá, kiểm tra và chỉnh sửa. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.  - GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:  + Chọn một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử  + Sáng tác 01 video về giới thiệu một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử mà nhóm đã chuẩn bị ở phần viết. Video đảm bảo yêu cầu sau:  ++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.  ++ Trong quá trình giới thiệu một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.  - Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.  + Thời gian: 01 tuần sau bài học.  + Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.  + Cách thức nộp: Gửi đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông của nhà trường và chia sẻ trên trang facebook cá nhân của các thành viên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.  **Bước 4: Kết luận, nhận xét**  GV nhận xét tổng kết trong bài học sau. |  |

**Tiết 55 ÔN TẬP**

**Bài 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức trò chơi DU LỊCH CÙNG DORAEMON**  **1. Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử thuộc kiểu văn bản nào?**  A. Văn bản nghị luận  **B. Văn bản thông tin**  **2. Cấu trúc của một văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử gồm có mấy phần?**  **A. 3 phần**  B. 4 phần  **3. Cấu trúc của một bài phỏng vấn gồm có mấy phần?**  **A. 3 phần**  B. 4 phần  **4. Để giúp người đọc dễ dàng hình dung về đặc điểm kiến trúc, cảnh quan, vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, người viết có thể sử dụng kết hợp các yêu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, thuyết minh. Đúng hay sai?**  A. Sai  **B. Đúng**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **Bước 4: Gv kết luận**  ***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trò chơi vừa rồi đã giúp các em củng cố lại một chút kiến thức chúng ta đã học trong bài 3. Chúng ta sẽ tiếp tục điểm qua lại kiến thức đó qua các bài tập ngày hôm nay nhé!* |  |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động nhóm (3 nhóm) 🡪 mỗi nhóm trình bày 1 văn bản**    **GV yêu cầu HS lần lượt hoàn thành bài tập 3,4,7**  **GV tổ chức hoạt động TIẾP SỨC ĐỒNG ĐỘI**  **+ Nhiệm vụ 1.** Liệt kê ít nhất hai điều học được về việc đọc hiểu văn bản thông tin sau khi học kiểu văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.  **+ Nhiệm vụ 2.** Ghi lại ít nhất hai kinh nghiệm về cách thuyết minh một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.  - Gv chia lớp thành 4 nhóm, 2 nhóm thực hiện nhiệm vụ 1, 2 nhóm thực hiện nhiệm vụ 2  - Lần lượt từng thành viên trong nhóm lên bảng viết đáp án của nhóm mình  Lưu ý: đáp án k trùng lặp giữa các thành viên trong nhóm  - Thời gian: 5 phút  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  **\* Mục đích viết**  **- Vườn Quốc gia Cúc Phương**: Cung cấp những thông tin cơ bản về vườn Quốc gia Cúc Phương.  **- Ngọ Môn**: Cung cấp những thông tin cơ bản về Ngọ Môn.  **- Cột cờ Thủ Ngữ-** **di tích cổ bên sông Sài Gòn**: Cung cấp những thông tin cơ bản về cột cờ Thủ Ngữ.  **\* Cấu trúc**  **- Vườn Quốc gia Cúc Phương**: 3 phần:  + Mở đầu: Giới thiệu khái quát về vườn Quốc gia Cúc Phương  + Nội dung: Giới thiệu những phương diện khác nhau của vườn Quốc gia Cúc Phương.  + Kết thúc: Nêu nhận xét khái quát về giá trị của của vườn Quốc gia Cúc Phương và bày tỏ cảm xúc của tác giả dành cho vườn Quốc gia Cúc Phương.  **- Ngọ Môn**: 3 phần:  + Mở đầu: giới thiệu về Ngọ Môn  + Nội dung: trình bày những khía cạnh, phương diện khác nhau về Ngọ Môn  + Kết thúc: nhận xét về giá trị của Ngọ Môn  **- Cột cờ Thủ Ngữ-** **di tích cổ bên sông Sài Gòn**: 3 phần:  + Mở đầu: giới thiệu khái quát mục đích và nội dung chính của bài phỏng vấn.  + Nội dung: lần lượt trình bày hệ thống câu hỏi và câu trả lời liên quan về Kinh thành Thăng Long.  + Kết thúc: Lời cảm ơn của người phỏng vấn.  **\* Hình thức**  **Vườn Quốc gia Cúc Phương**  - Các đề mục về những phương diện khác nhau của đối tượng được in đậm  - Sử dụng từ ngữ chuyên ngành  - Sử dụng hình ảnh minh họa  **Ngọ Môn**  - Các đề mục về những phương diện khác nhau của đối tượng được in đậm  - Sử dụng từ ngữ chuyên ngành  - Sử dụng hình ảnh minh họa  **Cột cờ Thủ Ngữ-** **di tích cổ bên sông Sài Gòn**  - Các đề mục về những phương diện khác nhau của đối tượng được in đậm  - Sử dụng từ ngữ chuyên ngành  - Sử dụng hình ảnh minh họa  **\* Cách trình bày thông tin**  **- Vườn Quốc gia Cúc Phương**: Trình bày phân loại đối tượng  **- Ngọ Môn**: Trình tự không gian và theo cách trình bày phân loại đối tượng  **- Cột cờ Thủ Ngữ-** **di tích cổ bên sông Sài Gòn**: Trình tự thời gian và theo cách trình bày phân loại đối tượng  **\* Sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ**  **- Vườn Quốc gia Cúc Phương**: Sử dụng nhiều hình ảnh minh họa đi kèm với việc cung cấp thông tin.  **- Ngọ Môn**: Sử dụng nhiều hình ảnh minh họa đi kèm với việc cung cấp thông tin.  **- Cột cờ Thủ Ngữ-** **di tích cổ bên sông Sài Gòn**: Sử dụng nhiều hình ảnh minh họa đi kèm với việc cung cấp thông tin.  **Bài 2**  - Cần xác định được mục đích của văn bản.  - Cần xác định được nội dung chính của từng đoạn  - Chỉ ra được những thông tin cơ bản về đối tượng mà tác phẩm đề cập.  **Bài 3**  Khi đọc một bài phỏng vấn, ta cần chú ý đến nội dung (chủ đề trao đổi), hình thức trình bày và bố cục của bài phỏng vấn  **Bài 4**  - Trình bày thông tin một cách trực quan  - Cung cấp thêm thông tin về đối tượng chưa được thể hiện bằng phương tiện ngôn ngữ  - Làm nổi bật những thông tin quan trọng  - Gây hứng thú cho người đọc, người xem  **Bài 6**  - Trước khi thuyết minh cần tìm những thông tin xác thực về đối tượng.  - Cần tìm kiếm thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như biểu đồ, bảng biểu, hình ảnh để minh họa cho đối tượng.  **Bài 7**  - Đó là những món quà mà thiên nhiên và tổ tiên đã để lại cho thế hệ mai sau  - Là kết tinh giá trị vật chất và tinh thần của nhiều thế hệ trẻ  - Là bản sắc văn hoá, lịch sử của dân tộc Việt Nam |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)  **Câu 7:** *Qua bài học trên, em nhận thấy vì sao danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được xem là tài sản quý giá của quốc gia?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Cá nhân hoàn thành bài tập, thuyết trình trước lớp và thảo luận.  - GV khích lệ, giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Dự kiến sản phẩm của HS:**   * **Gợi ý: Danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được xem là tài sản quý giá của quốc gia vì:**   + Danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử cất giữ trong mình những giá trị vật chất phong phú, quý giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người (không khí trong lành, tài nguyên động thực vật, đất đai, khoảng sản phong phú. Đây là nguồn sống của con người)  + Danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử ẩn chứa những giá trị văn hóa, lịch sử của đất nước mà ông cha ta xây dựng, vun đắp, gìn giữ hàng ngàn năm mới có. Điều đó là nên móng để chúng ta xây dựng và phát triển đất nước mà vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc.  + Đem lại giá trị vô cùng lớn về du lịch, thương mại, ...  + Bồi đắp tâm hồn, giáo dục nhân cách cho mọi thế hệ con người Việt Nam (tình yêu nước, tự hào dân tộc, khát vọng, niềm tin, ...)  ...  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.  - Cho điểm hoặc phát thưởng. |  |

**IV.HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**1. Chủ đề vừa học: Bài 4: *CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO***

- Nắm được một số yếu tố trong truyện truyền kì.

- Nắm được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.

- Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng truyện đã đọc.

**2. Chủ đề sắp học: Bài 5: KHÁT VỌNG CÔNG LÍ**

- Đọc hai văn bản: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Thúy Kiều báo ân, báo oán.

- Soạn các câu hỏi Sgk/130,135.

- Viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

- Nắm được điển tích, điển cố, đặc điểm và tác dụng.

- Thực hiện cuộc phỏng vấn.